



HỢP TÁC KINH DOANH
CHIA SẺ LỢI NHUẬN

2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NỘI DUNG

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

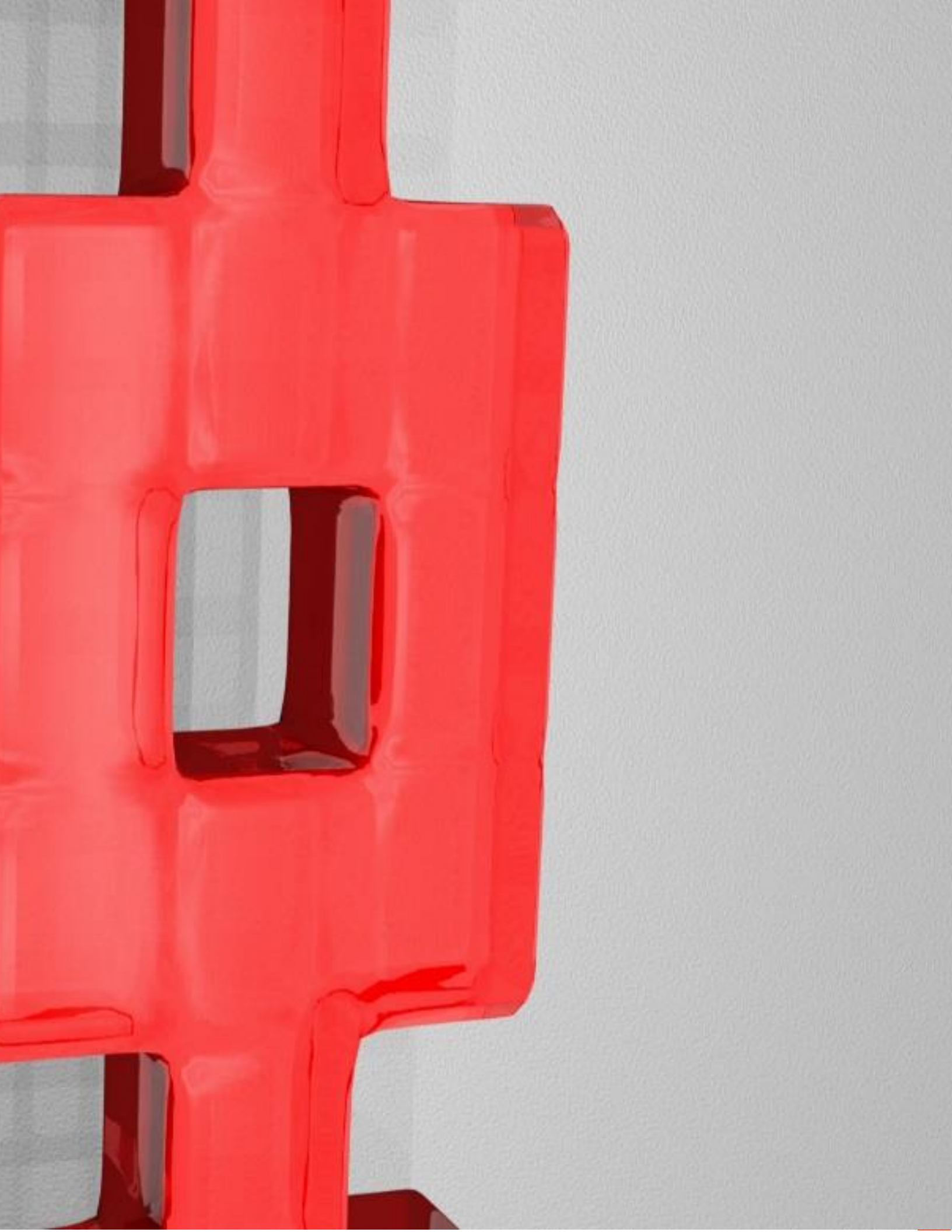
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

III. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

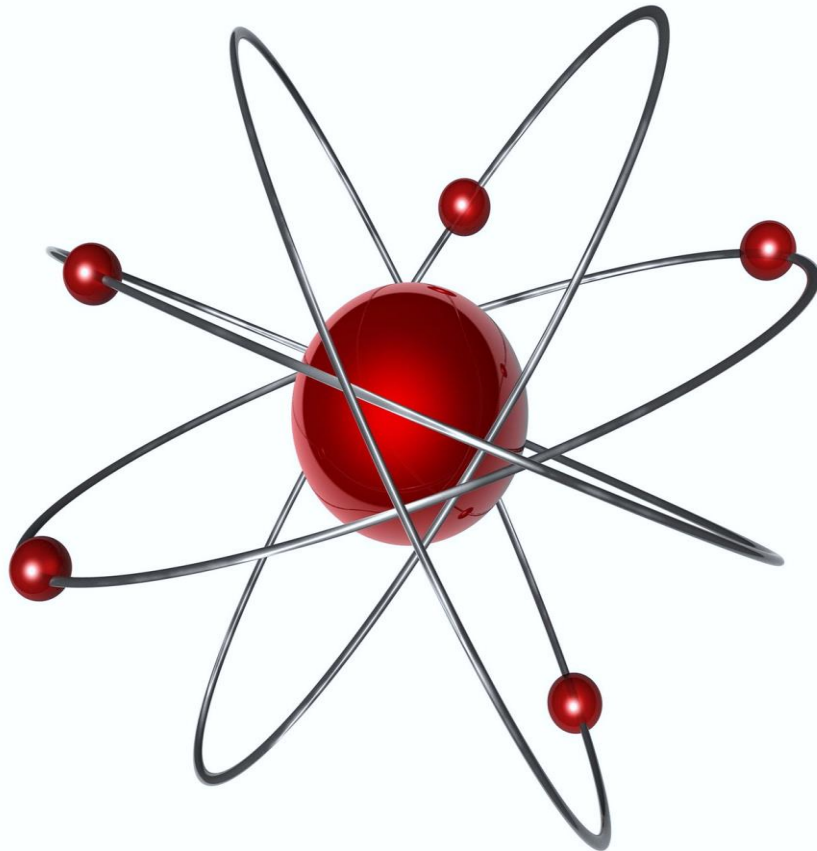
IV. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

V. TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012



GIỚI THIỆU CÔNG TY



Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy
quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro

Thông tin khái quát

Tên giao dịch : Công ty cổ phần TIE
Vốn điều lệ : 95.699.000.000 đồng
GCNĐKDN : 0301173454 (cấp ngày 13/07/2004)
Địa chỉ : 52 Thành Thái, phường 12, quận 10, TP HCM
Số điện thoại : (08) 3839 3054 – (08) 3833 0855
Số fax : (08) 3833 2754
Website : <http://www.tie.com.vn>
Mã cổ phiếu : TIE

Chi nhánh

	TIE Hà Nội	TIE Cần Thơ	TIE Phú Quốc	Văn phòng đại diện Đà Nẵng
Địa chỉ	39 Xã Đàn, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội	29D Nguyễn Văn Linh, phường Phương Lợi, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	287 Nguyễn Trung Trực, khu phố 4, TT Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	360 Nguyễn Tri Phương, P. Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại	(04) 3573 7926 – 3573 7927	(0710) 625 2306	(077) 399 5009 - 398 2352	(0511) 361 6292
Fax	(04) 3573 7925	(0710) 625 2307	(077) 398 1734	

Lịch sử hình thành và phát triển

- 1990** *Xí nghiệp điện tử quận 10 trực thuộc công ty xuất nhập khẩu điện tử quận 10 (Tenimex) ra đời*
- 1992** *Tách ra khỏi công ty Xuất nhập khẩu quận 10, trở thành Công ty Sản xuất – Kinh doanh Xuất nhập khẩu Điện – Điện tử quận 10*
- 1994** *Kí hợp đồng liên doanh với tập đoàn Samsung Electronics Co., Ltd (Hàn Quốc), thành lập công ty Điện tử Samsung Vina*
- 1996** *Tổ chức gia công xuất khẩu sản phẩm cuộn cảm cho công ty Thomson CFS (đổi tên thành Thales Group vào năm 2000)*
- 2000** *Nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Samsung tại Việt Nam*
- 2002** *Thành lập chi nhánh TIE Hà Nội*
- 2003** *Thành lập trung tâm bảo hành ủy quyền Samsung*
- 2004** *Tháng 7/2004, chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, lấy tên gọi Công ty Cổ phần TIE*
Tháng 8/2004, thành lập chi nhánh TIE Phú Quốc
- 2005** *Nghiên cứu thành công sản phẩm Quang báo sử dụng phần mềm Tiếng Việt, ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực Giao thông vận tải, quảng cáo truyền thông, bảng giá vàng và đặc biệt là bảng hiển thị tỷ giá, lãi suất tại các ngân hàng trên cả nước.*
Phân phối chính thức máy tính tiền điện tử Casio tại Việt Nam

2006

Trung tâm ủy quyền chính thức của Casio tại Việt Nam

2009

Liên doanh với công ty Applied Technology Precision Ltd., thành lập công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam (PTV) sản xuất các thiết bị điện cầm tay

Tháng 3/2009, nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Hanns.G (Đài Loan) tại Việt Nam

Tháng 10/2009, thành lập chi nhánh TIE Cần Thơ

Tháng 10/2009, nhà phân phối chính thức màn hình LG Network tại Việt Nam; nhà phân phối các thiết bị điện tử A-Data; trung tâm bảo hành ủy quyền của Hannspree tại Việt Nam

Tháng 12/2009, được Quacert cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2008

Tháng 12/2009, cổ phiếu Công ty cổ phần TIE chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM

2010

Tháng 2/2010, chính thức trở thành nhà phân phối máy tính tiền của đối tác Trung Quốc tại Việt Nam. Dòng sản phẩm này đã được mang thương hiệu của TIE.

Tháng 9/2010, kí kết hợp đồng gia công cho đối tác MICROSPIRE thuộc tập đoàn EXXELIA (Pháp)

2011

Tháng 9/2011, nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Philips tại Việt Nam

Tháng 10//2011, khai trương trung tâm bảo hành Sammsung chi nhánh 760 Điện Biên Phủ, quận 10, TP HCM

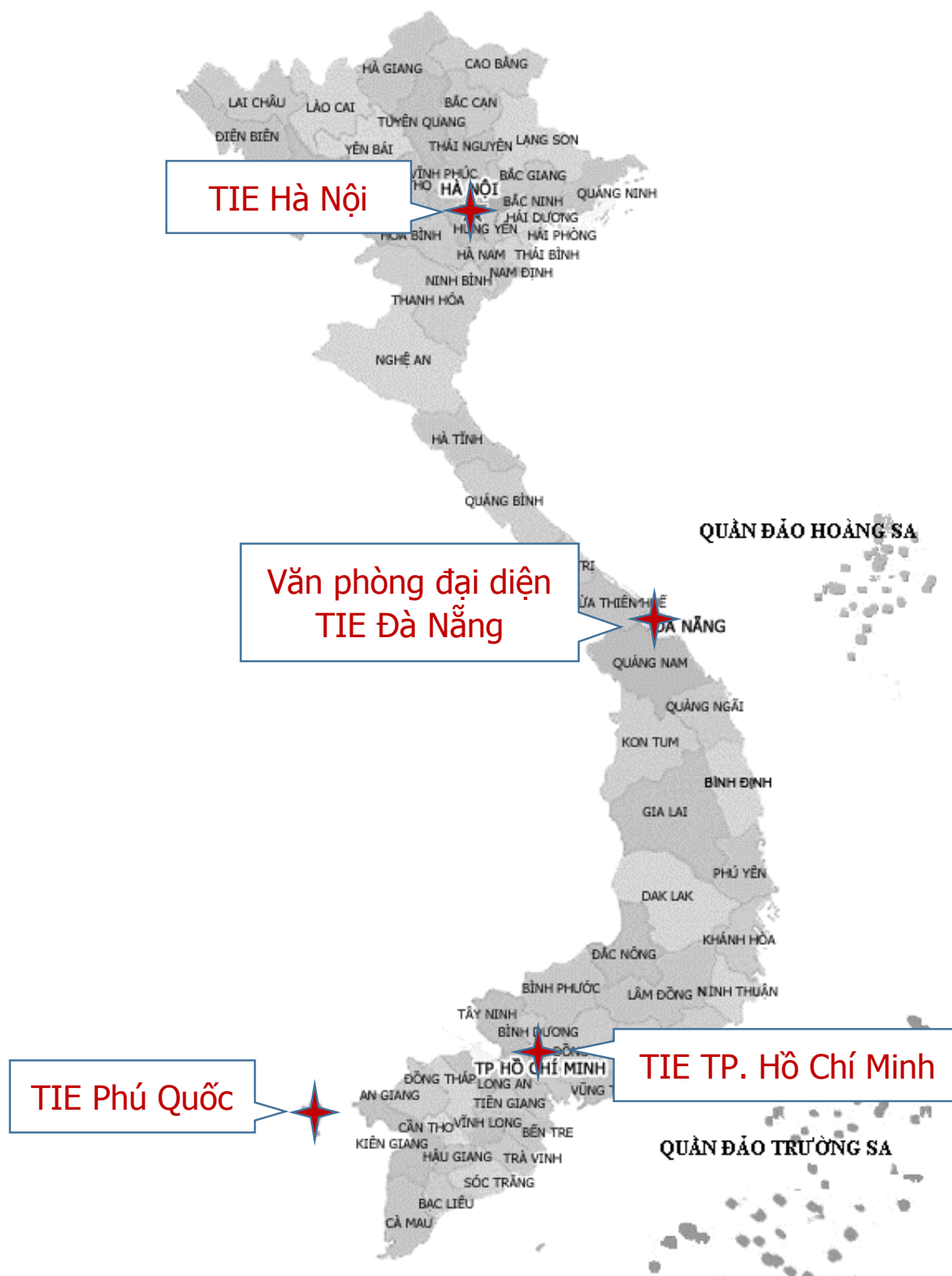
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động

Công ty cổ phần TIE hiện đang hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng. Sản xuất và kinh doanh các thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại).
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử, máy móc đo lường thí nghiệm điện – điện tử - thiết bị viễn thông. Mua bán tư liệu sản xuất hoá chất, vật tư, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất công nông nghiệp, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng tiêu dùng và phương tiện vận tải và phụ tùng, dịch vụ lao động.
- Thiết lập mạng lưới thiết bị Internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng. Sản xuất lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông. Sản xuất gia công, mua bán các sản phẩm cơ khí.
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa. kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại Thành Phố Hồ Chí Minh). Vận chuyển hành khách bằng đường thủy, bằng taxi, theo hợp đồng, cho thuê nhà xưởng và kho bãi.
- Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy nhập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), dịch vụ FAX nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu giữ và truy cập, dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính Viễn thông.
- Đại lý ký gởi hàng hoá. Tư vấn, thiết kế phần máy tính. Tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính.
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, hàng thủy hải sản chế biến, nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống). Đại lý kinh doanh xăng dầu, cho thuê văn phòng.

Địa bàn kinh doanh



Đôi tác chiến lược



Hanns.G

PHILIPS



CASIO®



Sản phẩm tiêu biểu

Casio



A-Data

HDD



SSD



Samsung

LCD



LED



HANNS.G



ProCASH

ECR



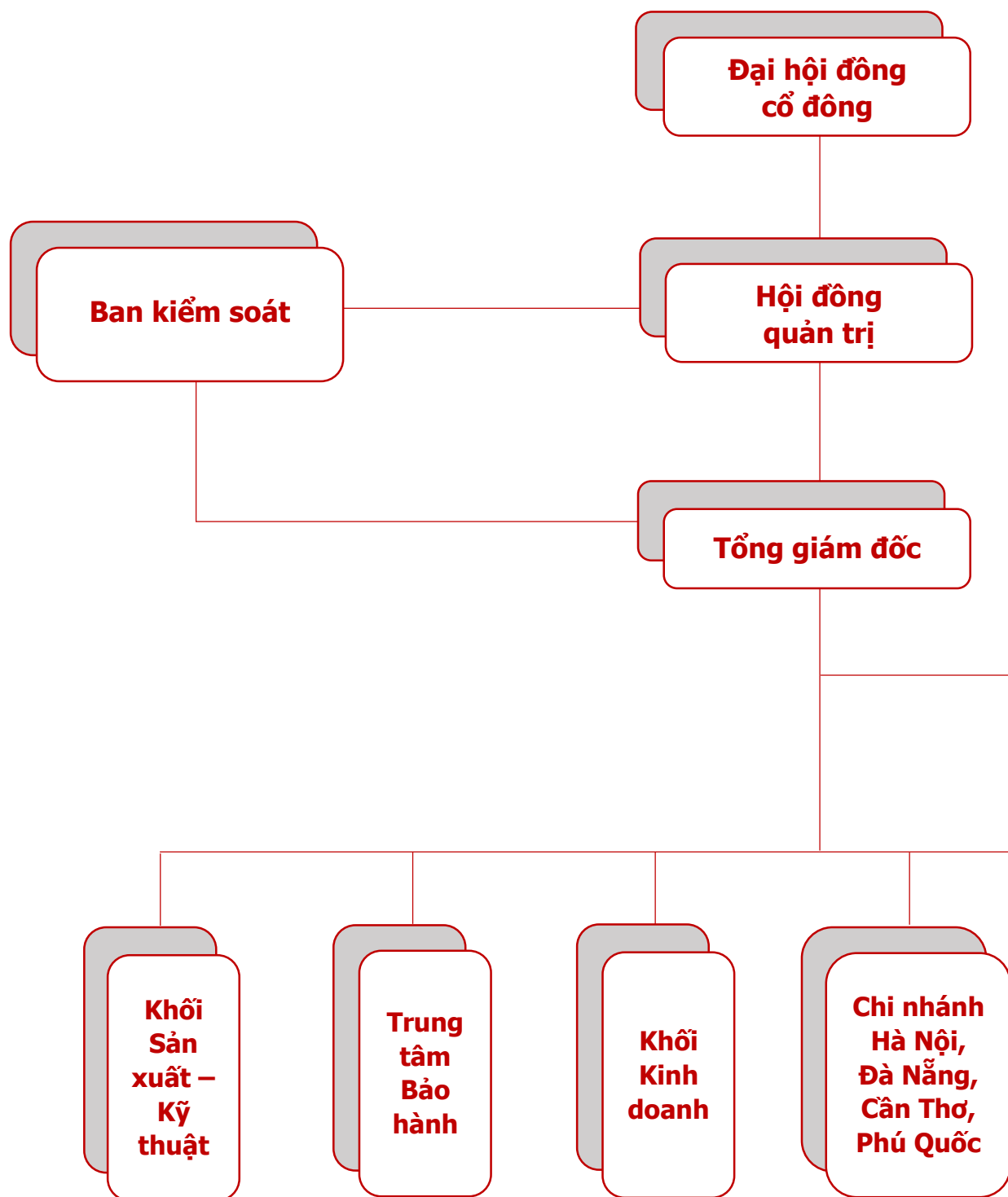
Philips



Sản phẩm quang báo



Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức quản lý





**Các Phó tổng
giám đốc**

**Phòng
Hành
chính
–
Nhân
sự**

**Phòng
Chiến
lược**

**Phòng
Kế
toán**

**Phòng
Đầu
tư –
Dự án**

**Phòng
Cung
vận**

Các công ty con và công ty liên kết

1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn là đơn vị nắm giữ quyền chi phối với 70% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần TIE

- Vốn điều lệ : 1.585 tỷ đồng
- Đăng ký KD số : 0300713668 cấp ngày 27/08/20120 tại sơ KH&ĐT - TP.HCM
- Trụ sở chính : 11/121 Lê Đức Thọ, Quận Gò Vấp, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3894 1072 Fax: (08) 3894 0947
- Email : cns@cns.com.vn WEBSITE: www.cns.com.vn

2. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức

Không có

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Tên công ty	Thông tin	Vốn điều lệ	TIE góp vốn	Tỷ lệ
Công ty Điện tử SAMSUNG VINA	Số 9 đường Trường Sơn, quận Thủ Đức, TP.HCM	17.460.000 USD	3.492.000 USD = 53.665.056.000 VND	20%
Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam	Lô D – 7A – CN, Khu CN Mỹ Phước 3, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	1.500.000 USD	Đã chuyển nhượng phần góp vốn tại PTV cho ATP	
Công ty cổ phần Đầu tư TIE - Exim	Giấy CN ĐKKD công ty cổ phần số 0311278495 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29/10/2011	36.000.000.000 VND	10.440.000.000 VND	29%

Định hướng phát triển

Kinh doanh, dịch vụ

Mục tiêu trở thành một trong những công ty phân phối hàng đầu và bán lẻ chuyên nghiệp tại Việt Nam trong lĩnh vực hàng điện - điện tử và công nghệ thông tin.

Sản xuất - Gia công

xuất khẩu

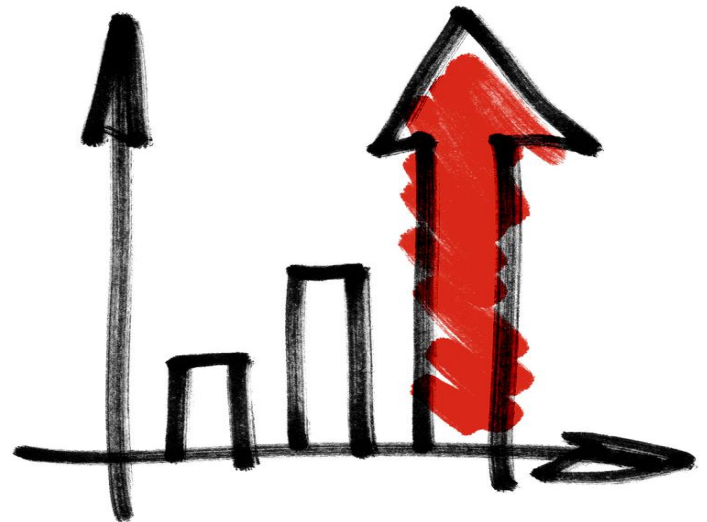
Mục tiêu trở thành công ty chuyên sản xuất, gia công xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao.

Đầu tư

Mục tiêu trở thành nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, năng động và chuyên nghiệp.

Sứ mệnh

TIE quyết tâm không ngừng đổi mới, cải tiến để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, mang lại lợi ích chung cho cộng đồng và cổ đông.



TRIẾT LÝ KINH DOANH

Hợp tác kinh doanh, chia sẻ lợi nhuận

Phát triển bền vững

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề phát triển bền vững, Công ty cổ phần TIE xây dựng nội dung định hướng phát triển bao gồm các nội dung sau:

Phát triển kinh tế

Là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường, TIE có trách nhiệm chung tay cùng hợp tác, thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế. TIE luôn phấn đấu vì mục tiêu phát triển vững mạnh và chuyên nghiệp. Công ty đã và đang hoạt động hết mình nhằm mang lại những kết quả kinh doanh tốt nhất, hòa mình vào dòng chảy phát triển của đất nước. Hơn thế nữa, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng chính là thước đo chất lượng cuộc sống của cán bộ công nhân viên. Mỗi cá nhân được tạo điều kiện phát triển sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của cộng đồng.

Trách nhiệm kinh doanh

Là một công ty chuyên phân phối, cung cấp các mặt hàng điện – điện tử, TIE cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ an toàn, đảm bảo chất lượng. Quyền lợi khách hàng luôn là ưu tiên hàng đầu; công tác phục vụ, chăm sóc và công tác hậu mãi luôn được quan tâm, làm tiền đề phát triển doanh nghiệp.

Môi trường làm việc

TIE luôn quan tâm đến vấn đề chăm lo và phát triển nguồn nhân lực. Doanh nghiệp tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ công nhân viên Công ty; môi trường làm việc luôn được đảm bảo tính an toàn và thân thiện. Các chính sách việc làm, lương thưởng, đào tạo luôn được quan tâm sát sao và triển khai thỏa đáng. Giá trị lao động luôn được ghi nhận và tôn trọng. Văn hóa doanh nghiệp cũng như các giá trị cốt lõi của Công ty là những nhân tố luôn được TIE ra sức xây dựng và phát triển.

Trách nhiệm với môi trường

TIE ý thức được rằng, môi trường luôn chịu tác động từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì thế, quan tâm đến môi trường chính là một nhân tố quan trọng trong sự phát triển bền vững của xã hội nói chung và của TIE nói riêng. Doanh nghiệp cam kết

tôn trọng, tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật và thực hiện công tác kiểm soát quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn về môi trường.

Chúng tôi đã và đang tiếp tục chuẩn hóa các nội quy liên quan đến việc sử dụng hiệu quả và tiết kiệm những nguồn năng lượng cơ bản (điện, nước...), sử dụng và tái sử dụng giấy, thiết bị văn phòng một cách tối ưu.

Trong quá trình sản xuất, các phế phẩm đã được công ty tái sử dụng nếu có thể. Phần còn lại sẽ được phân loại và xử lý theo quy định của công ty.

Trách nhiệm với xã hội

Song song với việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng, phục vụ cuộc sống của khách hàng, TIE luôn coi trọng việc thực hiện các hoạt động cộng đồng, xã hội. Mục tiêu của TIE là nhằm xây dựng uy tín doanh nghiệp, xây dựng niềm tin và tìm kiếm sự chấp thuận của các bên liên quan và xã hội nói chung đối với các hoạt động kinh doanh của TIE nhằm đảm bảo môi trường đầu tư lâu dài cho công ty. Bên cạnh đó TIE thường xuyên khuyến khích sự tình nguyện tham gia của các bên hữu quan và Cán bộ công nhân viên của TIE vào hoạt động tình nguyện và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.

Trong năm 2012, TIE đã tích cực tham gia vào các hoạt động chung tay hỗ trợ, phát triển cộng đồng như: đóng góp 30 triệu đồng chương trình “Vì Trường Sa thân yêu”, đến thăm và tặng quà cho 150 dân nghèo huyện Trần Văn Thời, Cà Mau... Chắc chắn rằng, TIE sẽ còn tiếp tục phát huy những hoạt động thiết thực mà Công ty đã làm được trên con đường phát triển của mình.





Kế hoạch trung và dài hạn

- Tăng trưởng doanh thu trung bình hàng năm đạt ít nhất 10%. Đến cuối năm 2015 đạt 550 – 600 tỷ đồng, đến cuối năm 2020 đạt 1.100 – 1.200 tỷ đồng
- Tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu sau thuế đạt ít nhất 7%. Đến cuối năm 2015 đạt 39 – 42 tỷ đồng, đến cuối năm 2020 đạt 77 – 84 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức trung bình hàng năm đạt 14 - 16%.

Rủi ro kinh tế

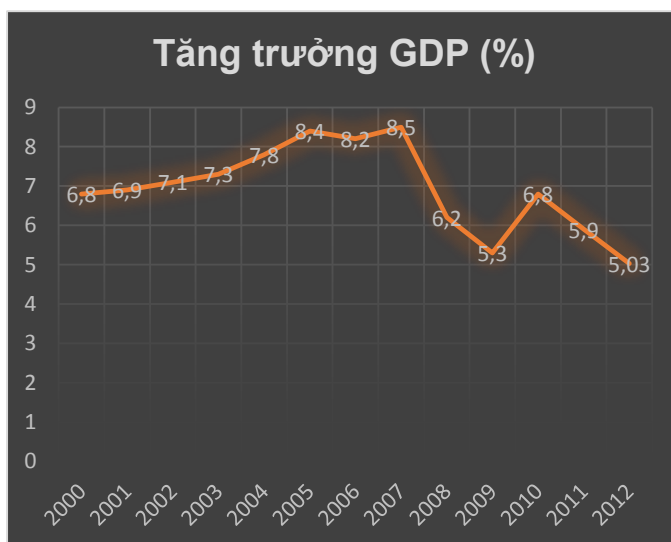
Bất kỳ ngành sản xuất kinh doanh nào cũng đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tình hình kinh tế. Ngành Công nghiệp Điện – Điện tử nói chung cũng như Công ty cổ phần TIE cũng không nằm ngoài quy luật tất yếu đó. Năm 2012 vừa qua đã chứng

kiến tình hình kinh tế đầy biến động và rơi vào tình trạng khó khăn. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 chỉ đạt 5,03% (mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây) đã

phản ánh cụ thể và thực tế tình trạng khủng hoảng của nền kinh tế. Có thể nói, ngành Công nghiệp Điện – Điện tử gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế và có mối quan hệ vô cùng mật thiết. Khi nền kinh tế phát triển sẽ làm nguồn thu nhập cá nhân tăng lên, các nhu cầu cơ bản được đáp ứng sẽ dẫn đến nhu cầu

về các mặt hàng điện tử tăng lên, từ đó thúc đẩy ngành Công nghiệp điện tử phát triển. Trong tình trạng tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, ngành điện – điện tử đã bị ảnh hưởng đáng kể. Dự báo trong thời gian tới, tình hình kinh tế sẽ có bước phục

hồi khả quan, tuy nhiên Công ty vẫn phải luôn trong tình trạng cảnh trọng trước những biến động bất thường của nền kinh tế. Thêm vào đó là sự ảnh hưởng từ tình hình



khủng hoảng kinh tế Châu Âu cũng như tình trạng chính trị bất ổn khu vực Bắc Phi và Trung Đông, nếu không kịp thời giải quyết sẽ dẫn đến tình trạng giá thành nguyên, nhiên liệu bị đẩy lên cao; tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận Công ty.

Rủi ro ngành

Cho đến thời điểm này, ngành Công nghiệp Điện – Điện tử vẫn luôn được đánh giá là một trong những ngành có tốc độ phát triển cao nhất. Hàng năm xuất hiện rất nhiều các Công ty Điện tử mới thành lập, cũng như các Công ty luôn đẩy mạnh việc ra mắt các sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã và ứng dụng công nghệ ngày càng hiện đại. Vì thế, đi cùng với tốc độ tăng trưởng chóng mặt đó là sự cạnh tranh vô cùng gay gắt giữa các Công ty trong ngành. Hơn thế nữa, việc các Công ty cạnh tranh gay gắt với nhau dễ dẫn đến tình trạng chi phí bị đẩy cao, gây ra tình trạng tụt giảm doanh thu.



Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần TIE chịu sự chi phối và điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh hoặc các văn bản luật trong lĩnh vực này. Trong tình hình các bộ luật còn đang trong giai đoạn hoàn thiện; bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào trong hệ thống luật pháp đều có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của công ty cũng như việc đưa ra các chính sách điều hành.



Rủi ro Công ty

Tuy đã được thành lập từ rất lâu và trải qua quá trình 22 năm phát triển, kinh nghiệm trong vấn đề quản lý, nghiên cứu sản phẩm điện – điện tử, tiêu dùng vẫn luôn được xem là một trong những thách thức đối với TIE. Việc làm thế nào để luôn đưa ra được những chính sách quản lý hiệu quả, phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế và tình hình riêng của Công ty luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu.

Là đầu mối phân phối của nhiều hãng điện tử lớn, TIE đối mặt với một loại rủi ro khá đặc thù. Hiện nay, các nhà sản xuất hàng điện tử, tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển hệ thống bán lẻ riêng, giảm phân phối qua các đại lý nhằm giảm chi phí. Vì thế, TIE luôn đứng trước rủi ro bị cắt nguồn cung ứng sản phẩm.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Thông tin cổ đông



10,3%

LỢI NHUẬN KINH DOANH TĂNG

3,7%

VỐN CHỦ SỞ HỮU TĂNG

2,7%

TÀI SẢN TĂNG



Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu

Hạng mục	2011	2012	So với 2011
Doanh thu bán hàng hóa	331.197.818.479	266.711.767.383	80,53%
Doanh thu bán thành phẩm	1.888.984.294	4.015.400.029	212,57%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	246.708.978	948.414.818	384,43%
Doanh thu khác	116.963.638	7.545.455	6,45%
Doanh thu chi nhánh Phú Quốc	15.123.252.382	12.239.492.955	80,93%
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	6.621.591.482	6.376.939.403	96,31%
Doanh thu chi nhánh Cần Thơ	1.200.072.619	3.258.929.956	271,56%
Tổng doanh thu	356.395.391.872	293.558.489.999	82,37%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(971.438.452)	(5.092.774.424)	524,25%
Doanh thu thuần	355.423.953.420	288.465.715.575	81,16%

(Đơn vị tính: VNĐ)

Công ty vẫn giữ ổn định cơ cấu doanh thu trong năm 2012. Doanh thu bán hàng hóa vẫn chiếm tỷ trọng hơn 90% tổng doanh thu. Tổng doanh thu năm 2012 đạt 82,37% so với năm 2011. Nguyên nhân là do doanh thu bán hàng hóa, doanh thu khác và doanh thu từ hai chi nhánh Hà Nội và Phú Quốc giảm so với năm 2011. Tuy các nguồn doanh thu khác tăng khá nhiều nhưng lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu nên không thể bù lại lượng giảm từ doanh thu bán hàng hóa; thêm vào đó là việc các khoản giảm trừ doanh thu năm 2012 cũng tăng khá nhiều. Vì thế, doanh thu thuần năm 2012 đạt 81,16% so với năm 2011.

Các khoản chi phí	2011	2012	So với 2011
Giá vốn hàng bán	347.314.588.678	279.521.217.479	80,48%
Chi phí tài chính	6.676.074.006	6.170.826.795	92,43%
Chi phí bán hàng	14.507.753.929	22.147.816.141	152,66%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.963.454.161	13.182.678.912	94,41%
Chi phí khác	112.536.214	245.525.447	218,17%

(Đơn vị tính: VNĐ)

Giá vốn hàng bán năm 2012 giảm 19,52% so với năm 2011. Giá vốn hàng bán giảm tương đương với lượng giảm của doanh thu bán hàng hóa, qua đó cho thấy doanh nghiệp đã hoàn thành tốt công tác cân đối giữa doanh thu và chi phí hàng bán. Tuy nhiên, để giải quyết tình trạng khó khăn cũng như thúc đẩy tình hình kinh doanh trong năm, Công ty đã tiến hành nhiều chương trình khuyến mãi để thu hút khách hàng, từ đó đẩy chi phí bán hàng và các khoản chi phí khác tăng nhiều trong năm 2012.



Đầu tư và thực hiện các dự án

- Triển khai dự án cửa hàng trưng bày và trung tâm bán hàng điện máy Công ty cổ phần TIE, chi nhánh Phú Quốc với tổng mức đầu tư hơn 7 tỷ đồng đã khởi công trong năm 2012, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 5/2013.
- Tháng 4/2011, Công ty thông qua việc chuyển nhượng 38.888 m2 đất tại Bình Chuẩn, tỉnh Bình Dương. Do tình hình bất động sản năm 2011 - 2012 ảm đạm, nên việc chuyển nhượng chưa thực hiện được.
- Trong quá trình triển khai dự án đầu tư “Văn phòng và căn hộ cho thuê” tại mặt bằng 376 Điện Biên Phủ, công ty đã vướng một số thay đổi trong quy định của pháp luật về quyền sử dụng đất. Thêm vào đó, trong điều kiện khó khăn của thị trường bất động sản, TIE cùng với đối tác Công ty cổ phần Đầu tư TIE - EXIM đã cùng tìm kiếm thêm đối tác, phương hướng kinh doanh mới, chuyển công năng của dự án sang Bệnh viện Đa khoa Quốc tế. Đồng thời thành lập pháp nhân mới là Công ty cổ phần Đầu tư TIE – EXIM có vốn điều lệ 36 tỷ đồng, với tỷ lệ góp vốn của TIE là 29% để quản lý và khai thác dự án.



Công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới

- Sản xuất và phân phối bếp điện từ và bếp hồng ngoại mang thương hiệu Ecotek



Bếp Halogen



Bếp điện từ

- Gia công sản xuất siêu thuốc điện



- Linh kiện máy tính tiền Casio, hợp tác với Casio, viết phần mềm tiếng Việt cho sản phẩm máy tính tiền.
- Sau một thời gian đàm phán, đến cuối quý IV/2012, TIE đã chính thức là nhà phân phối và bảo hành độc quyền laptop GIGABYTE tại thị trường Việt Nam.

Tình hình tài chính

Năm 2012 đi qua với nhiều khó khăn; là một Công ty chịu sự tác động trực tiếp của cơ chế thị trường, TIE gặp không ít thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh cụ thể qua các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	2011	2012	Tăng / Giảm
Tổng tài sản	294.615.918.973	302.579.177.701	2,70%
Doanh thu thuần	355.423.953.420	288.465.715.575	-18,84%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.109.364.742	8.944.498.096	10,30%
Lợi nhuận khác	13.023.889.148	7.143.804.418	-45,15%
Lợi nhuận trước thuế	31.082.264.671	29.742.424.573	-4,31%
Lợi nhuận sau thuế	31.082.264.671	29.742.424.573	-4,31%

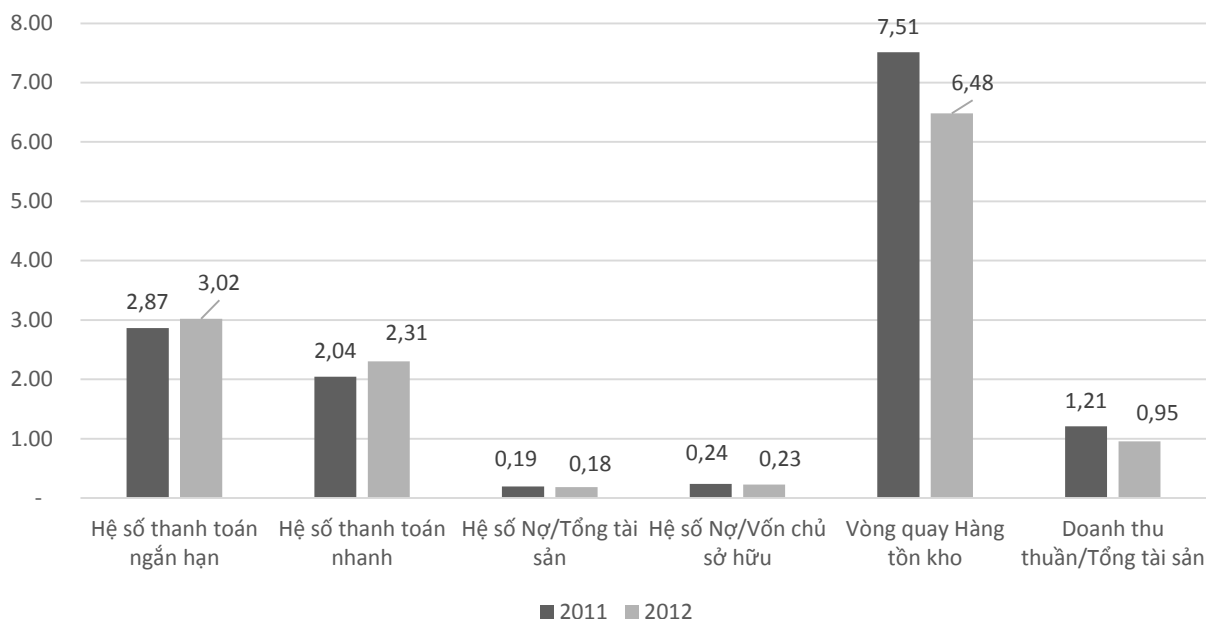
(Đơn vị tính: VNĐ)

Kết thúc năm 2012, tổng tài sản Công ty tăng 2,7% so với năm 2011. Tuy Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 18,84% nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 10,3% so với năm 2011. Nguyên nhân là do lượng giảm giá vốn hàng bán nhiều hơn lượng giảm của doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng, vì thế Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn đảm bảo tăng hơn so với năm trước. Tuy nhiên, việc các nguồn thu nhập khác giảm đến 43,75% và các chi phí khác tăng 118,17% so với năm 2011 đã làm các khoản lợi nhuận khác giảm 45,15%. Có thể thấy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng không đáng kể so với phần giảm của các nguồn lợi nhuận khác; bên cạnh đó là việc các khoản chi phí quản lý và bán hàng tăng mạnh trong năm, vì thế Lợi nhuận trước thuế và sau thuế giảm 4,31% so với năm 2011.

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu tài chính	2011	2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,87	3,02
Hệ số thanh toán nhanh	2,04	2,31
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,19	0,18
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,23
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	7,51	6,48
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,21	0,95
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,75%	10,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	13,36%	12,26%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	10,52%	9,96%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,28%	3,10%





Khả năng thanh toán

Trong năm 2012, doanh nghiệp đã nâng cao khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,87 lên 3,02. Nguyên nhân là do trong năm 2012, tài sản ngắn hạn tăng 3,78%; trong khi đó, nợ ngắn hạn cũng giảm 1,58%, từ đó góp phần cải thiện khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Tương tự với hệ số thanh toán nhanh, tăng từ 2,04 lên 2,31. Tuy trong năm 2012, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng lên so với 2011, nhưng lượng hàng tồn kho lại giảm 14,05%. Vì thế, sau khi khấu trừ hàng tồn kho, lượng tài sản ngắn hạn tăng đến 10,94%, từ đó dẫn đến việc hệ số thanh toán nhanh cũng tăng tương tự với hệ số thanh toán ngắn hạn.

Có thể dễ dàng nhận thấy cả trong năm 2011 và 2012, sự chênh lệch giữa hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là không nhiều; điều đó cho thấy lượng hàng tồn kho trong cả hai năm chiếm tỷ trọng không lớn trong nguồn tài sản ngắn hạn. Trong năm qua Công ty đã chủ động giảm lượng hàng tồn kho để phù hợp với tình hình thực tế. Đây là vấn đề lớn đối với nhiều doanh nghiệp trong năm 2012 vừa qua khi phải đối mặt với nguy cơ phá sản, không thể mở rộng sản xuất kinh doanh do lượng hàng tồn kho quá lớn. Từ đó cho thấy, ban điều hành TIE đã kịp thời đưa ra những thay đổi hiệu quả trong công tác quản lý kinh doanh.

Cơ cấu vốn

Các hệ số cơ cấu vốn cho thấy từ năm 2011 qua năm 2012, Công ty đã giảm bớt việc sử dụng nợ. Như đã đề cập trước đó, tình hình kinh doanh trong năm 2012 của doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn do chịu ảnh hưởng từ nền kinh tế. Vì thế, việc doanh nghiệp giảm bớt sử dụng đòn bẩy có thể coi như một biện pháp tất yếu để giảm thiểu rủi ro. Ngoài việc giảm thiểu rủi ro, việc thay đổi cơ cấu vốn sang sử dụng ít nợ cũng góp phần tăng khả năng thanh toán của Công ty. Qua việc này cho thấy, ban lãnh đạo của Công ty đã và đang theo sát tình hình thực tế, sẵn sàng đưa ra những giải pháp, chiến lược phù hợp.

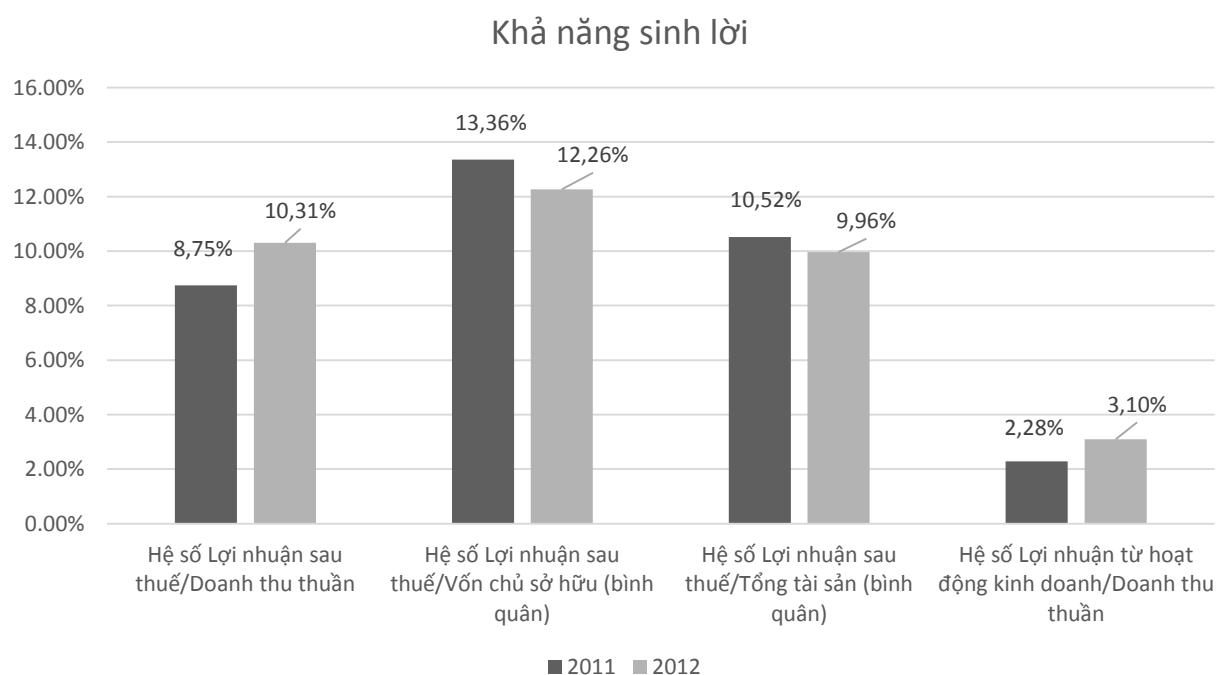
Năng lực hoạt động

Lượng hàng tồn kho bình quân từ 2011 qua 2012 giảm 6,76%, điều này lẽ ra sẽ làm tăng Vòng quay hàng tồn kho nếu doanh nghiệp vẫn giữ được lượng hàng hóa đầu vào ổn định. Tuy nhiên, việc lượng hàng đầu vào giảm 19,52% đã kéo vòng quay hàng tồn kho từ 7,51 giảm xuống còn 6,48. Vòng quay hàng tồn kho giảm nhưng không quá nhiều, điều đó cho thấy doanh nghiệp đã rất nỗ lực sản xuất kinh doanh, giúp giảm thiểu tối đa việc ứ đọng hàng hóa. Bên cạnh đó, việc giá trị tổng tài sản tăng 2,7% trong năm 2012 không đủ để bù trừ cho lượng giảm 18,84% của Doanh thu thuần, dẫn đến việc làm giảm hệ số Doanh thu thuần / Tổng tài sản xuống còn 0,95. Việc cả hai hệ số đều giảm không hề thể hiện năng lực hoạt động của doanh nghiệp suy yếu mà chỉ phản ánh tình hình thực tế của nền kinh tế thị trường.

Khả năng sinh lời

Hai hệ số tăng trong năm 2012 đều liên quan đến Doanh thu thuần. Việc Doanh thu thuần năm 2012 giảm 18,84% đã vượt qua mức giảm 4,31% của Lợi nhuận sau thuế và đẩy hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần tăng từ 8,75% lên 10,31. Bên cạnh đó, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 10,3% càng góp phần đẩy hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần tăng từ 2,28% lên 3,1%.

Xét hệ số Lợi nhuận sau thuế / Bình quân Vốn chủ sở hữu (ROE) và hệ số Lợi nhuận sau thuế / Bình quân Tổng tài sản (ROA), cả hai hệ số đều giảm nhẹ trong năm 2012. Bình quân vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 4,21% đã góp phần làm giảm hệ số từ 13,36% xuống còn 12,26%. Tương tự với ROA, bình quân tổng tài sản tăng 1,03%, hạ hệ số từ 10,52% xuống còn 9,96%. Tuy nhiên có thể thấy, do lượng giảm của Lợi nhuận sau thuế và lượng tăng của bình quân tổng tài sản/ bình quân vốn chủ sở hữu là khá nhỏ nên ROA/ ROE chỉ giảm nhẹ.

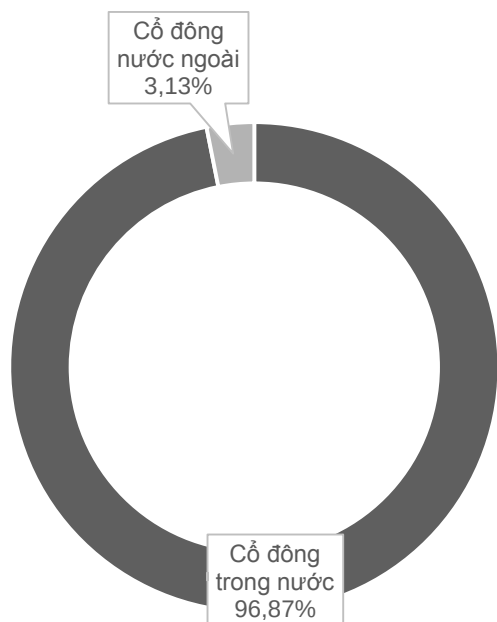


Thông tin cổ đông

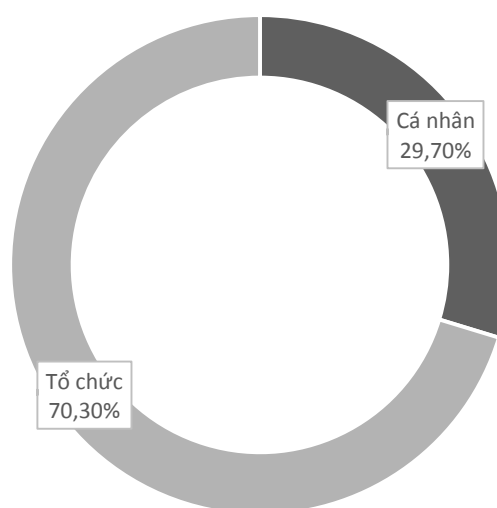
Cơ cấu cổ đông Công ty cổ phần TIE

(Danh sách chốt ngày 25/02/2013)

STT	Loại cổ đông	Số lượng Cổ phần sở hữu			Tỷ lệ sở hữu
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	
I	Cổ đông trong nước				
	Cá nhân	2.551.080	-	2.551.080	26,657%
	Tổ chức	6.719.210	-	6.719.210	70,212%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Cá nhân	291.630	-	291.630	3,047%
	Tổ chức	7.980	-	7.980	0,083%
	Tổng cộng	9.569.900	-	9.569.900	100%



■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài



■ Cá nhân ■ Tổ chức

Danh sách cổ đông nước ngoài

STT	Cổ đông nước ngoài	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần (%)
Cá nhân			
1	Chen Juen Yi	1.550	0,0162%
2	Chung Seung Il	500	0,0052%
3	Huy Dinh Tran	20.000	0,2090%
4	Jeong Youn Gyu	1.000	0,0104%
5	NGUYEN TIEN LE	40.000	0,4180%
6	Nakamura Chitomi	5.000	0,0522%
7	PETER ERIC DENNIS	218.380	2,2819%
8	Sato Hiroaki	500	0,0052%
9	Shiratori Jinichi	400	0,0042%
10	Tetsuji Nagata	4.000	0,0418%
11	Wataru Miyazawa	100	0,0010%
12	Yamazaki Atsushi	200	0,0021%
Tổ chức			
1	IWAI COSMO SECURITIES CO., LTD	950	0,0099%
2	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	30	0,0003%
3	SBI SECURITIES CO.,LTD.	7.000	0,0731%



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Hoạt động của công ty

Hoạt động kinh doanh

Trong năm 2012, tuy đối mặt với nhiều thách thức từ tình hình khủng hoảng kinh tế, TIE vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu đề ra. Tổng doanh thu đạt 103,24% kế hoạch năm, Lợi nhuận trước thuế đạt 119% kế hoạch đề ra.

Hoạt động đầu tư – dự án

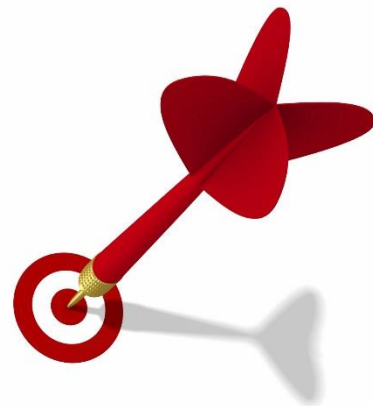
Trong năm 2012, TIE đã thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư, loại bỏ những cổ phiếu hiệu quả kém bằng việc thanh lý những khoản đầu tư này khi giá thị trường cao hơn mức giá lập dự phòng nhằm tránh gây thiệt hại thêm về mặt lợi nhuận cho công ty. Ngoài ra, TIE đã khai thác hiệu quả mặt bằng 52 Thành Thái khi tiến hành chuyển xưởng sản xuất bếp từ, bếp quang, siêu thuốc về mặt bằng này.

Hoạt động sản xuất

Các sản phẩm điện gia dụng do TIE gia công sản xuất và phân phối nhận được tín hiệu khả quan từ thị trường người tiêu dùng. Công ty chú trọng, đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới, tạo tiền đề triển khai thương mại hóa trong năm 2013.

Hoạt động quản lý, điều hành

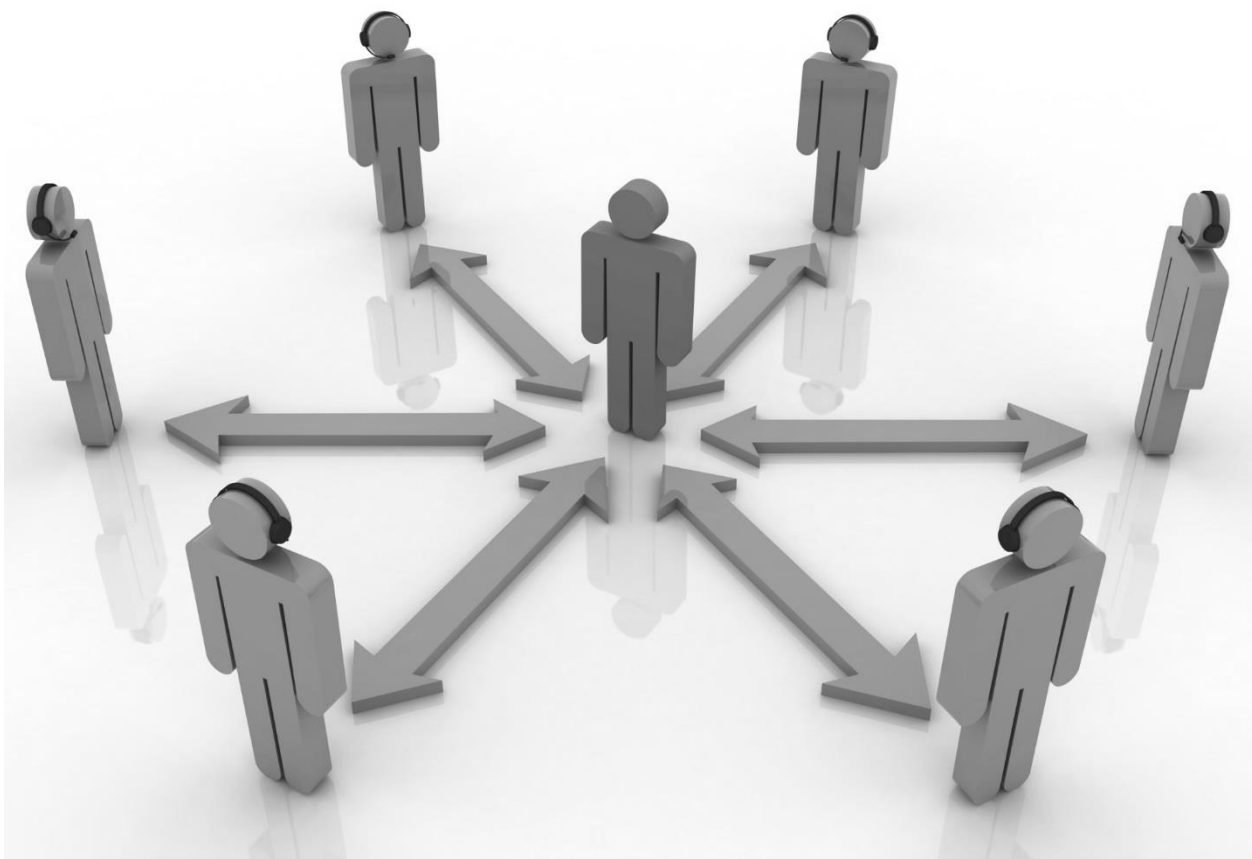
Công ty cổ phần TIE tiếp tục tiến hành tái cấu trúc Bộ máy hoạt động, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc tại TIE, phát triển thêm nhiều đại lý, đối tác mới; ngưng hợp tác với các đại lý không đảm bảo cam kết kinh doanh và cam kết tài chính.



Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kết quả đạt được trong năm 2012 là thành quả của toàn thể các bộ công nhân viên Công ty, là kết quả của sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm của tập thể. Trong đó, vai trò của Ban Tổng giám đốc là vô cùng quan trọng trong công tác điều hành mọi hoạt động Công ty. Trong năm 2012, ban Tổng giám đốc đã nắm bắt và tiến hành triển khai, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong năm, Ban Tổng giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, báo cáo chính xác và kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh, nắm bắt tình hình thị trường thực tế, xây dựng kế hoạch, chiến lược phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra, trong năm 2012, ban Tổng giám đốc còn hoàn thành công tác tổng kết năm tài chính 2011 và tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2012.



Kế hoạch và định hướng

Nhận định tình hình kinh tế 2013 sẽ có sự phục hồi khả quan so với năm 2012 nhưng sẽ vẫn tồn tại những diễn biến bất thường. Với nền tảng lợi thế về thị trường, những ưu thế nội tại tích lũy qua nhiều năm và sự tin tưởng, ủng hộ của quý cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra những định hướng phát triển như sau:

- Hoạt động của TIE sẽ tập trung vào 4 mục tiêu chính: Duy trì thị phần và thị trường phân phối các mặt hàng điện – điện tử; Phát triển dịch vụ bảo hành – du lịch; Nâng cao năng lực sản xuất và Đầu tư, hợp tác hiệu quả.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cùng với Ban Tổng giám đốc đề ra chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh cụ thể. Đảm bảo việc giám sát và đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Quản lý nguồn doanh thu, chi phí hiệu quả, phát huy tối đa vai trò và trách nhiệm của Ban lãnh đạo.
- Hoạch định giải pháp về thị trường, giải pháp bán hàng đảm bảo mục tiêu doanh thu và lợi nhuận. Chú trọng củng cố thị trường hiện tại đồng thời tìm kiếm và phát triển thị trường mới. Quản lý tốt công tác tài chính, đầu tư; rà soát, lập phương án đầu tư vào các dự án khả thi đồng thời hạn chế đầu tư vào các thị trường chưa có dấu hiệu khởi sắc. Xây dựng, điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực hiệu quả; nâng cao năng suất lao động thông qua biện pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ.
- Ứng dụng khoa học, công nghệ, giải pháp kỹ thuật vào hoạt động sản xuất – kinh doanh. Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, đảm bảo phát huy được giá trị cốt lõi của Công ty; đẩy mạnh công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu TIE.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Cải tiến cơ cấu và chính sách

Kế hoạch tương lai



Kết quả sản xuất kinh doanh

Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 so với kế hoạch đề ra

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	% Thực hiện so với kế hoạch
Tổng doanh thu	340.000.000.000	351.010.489.347	103,20%
Lợi nhuận trước thuế	25.000.000.000	29.742.424.573	119,0%
Tỉ lệ cổ tức	15%	15%	100,0%

(Đơn vị tính: VNĐ)

Tổng doanh thu năm 2012 đạt 103,2% kế hoạch đề ra. Trong năm 2012, hàng loạt nhà sản xuất, nhà cung cấp phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh, điều chỉnh bán hàng do dự báo chưa chính xác so với nhu cầu của thị trường, dẫn đến những khó khăn liên tục cho tác đối tác phân phối, trong đó có TIE với sản phẩm chủ lực là màn hình máy vi tính các loại. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng thị phần của máy tính xách tay dẫn đến những khó khăn kép do tổng cầu giảm nhưng phải chia sẻ doanh số, khách hàng chuyển sang mua máy tính xách tay thay vì máy tính để bàn.

Việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm có sự đóng góp của nguồn doanh thu bán thành phẩm. Việc hợp tác gia công sản xuất và phân phối sản phẩm điện gia dụng (bếp từ, bếp quang, siêu thuốc) đã bước đầu thu được kết quả khả quan, sản phẩm được thị trường tiêu thụ khá tốt. Tuy nhiên, thị trường sản phẩm Bảng điện tử vẫn chưa có xu hướng phục hồi mạnh nên việc đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm này vẫn gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn đạt tỷ lệ chi trả cổ tức 15% trong năm 2012 (tương ứng 50% lợi nhuận sau thuế), đảm bảo quyền lợi thỏa đáng của quý cổ đông.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

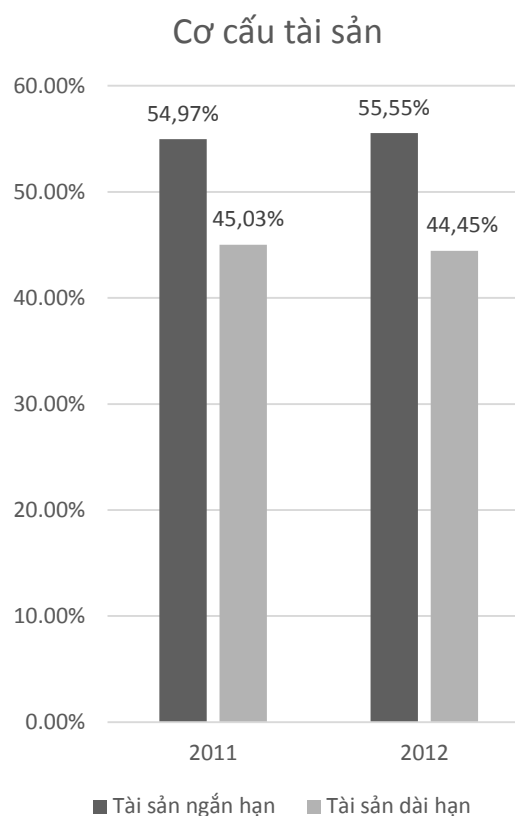
	2011	2012	Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	161.951.634.381	168.080.588.328	3,78%
Tài sản dài hạn	132.664.284.592	134.498.589.373	1,38%
Tổng tài sản	294.615.918.973	302.579.177.701	2,70%

(Đơn vị tính: VNĐ)

Năm 2012, Tổng tài sản Công ty tăng 2,7%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 3,78% và tài sản dài hạn tăng 1,38%. Từ năm 2011 qua năm 2012, Công ty vẫn giữ được sự ổn định trong cơ cấu tài sản. Mặc dù có sự thay đổi trong tỷ lệ tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, song sự thay đổi đó rất nhỏ và không đáng kể.

Tài sản ngắn hạn năm 2012 tăng chủ yếu ở các khoản phải thu ngắn hạn (phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác...). Trong khi đó, Công ty tối thiểu hóa các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đồng thời lượng hàng tồn kho năm 2012 giảm một lượng đáng kể. Lượng tiền mặt và các khoản tài sản ngắn hạn khác có sự giảm nhẹ trong năm 2012.

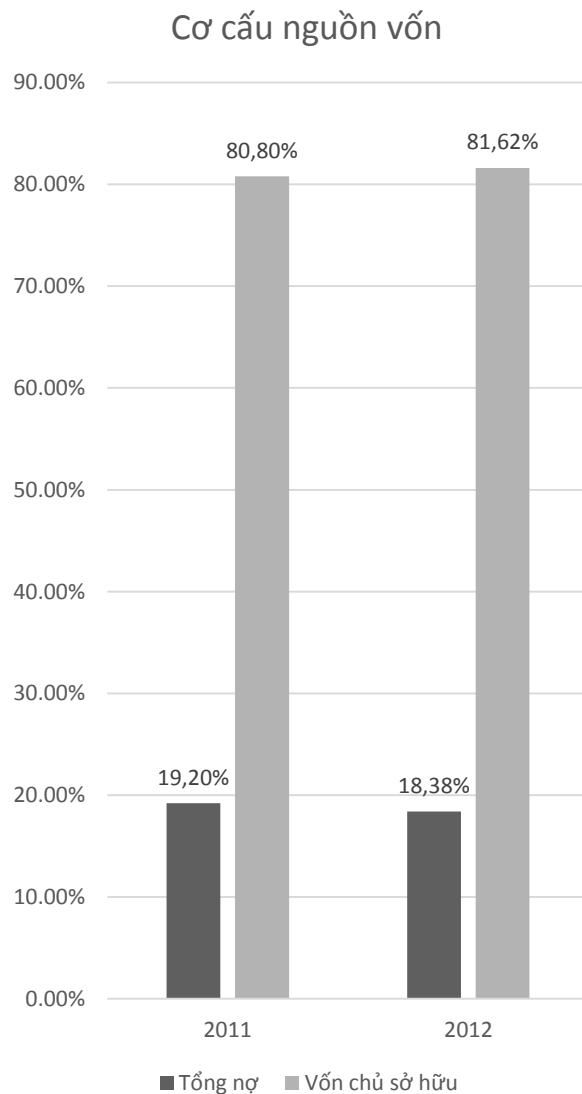
Tài sản dài hạn tăng là do doanh nghiệp đầu tư vào các khoản đầu tư tài chính dài hạn và nguồn tài sản cố định. Năm 2012 chứng kiến sự sụt giảm trong các khoản đầu tư vào bất động sản và các khoản chi trả trước dài hạn.



Cơ cấu nguồn vốn

	2011	2012	Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	56.520.033.038	55.625.872.448	-1,58%
Nợ dài hạn	51.539.112	-	-
Tổng nợ	56.571.572.150	55.625.872.448	-1,67%
Vốn chủ sở hữu	238.044.346.823	246.953.305.253	3,74%
Tổng nguồn vốn	294.615.918.973	302.579.177.701	2,70%

(Đơn vị tính: VNĐ)



Năm 2012 cơ cấu nguồn vốn Công ty vẫn ổn định. Nợ vẫn chiếm tỷ trọng khá thấp trong cơ cấu nguồn vốn và giảm nhẹ trong năm 2012. Điều này cho thấy Công ty không phụ thuộc quá nhiều vào việc sử dụng nợ nên không phải chịu nhiều áp lực chi trả nợ vay. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng nhẹ lên 81,62% đạt mức 247 tỷ đồng.

Trong năm 2012, doanh nghiệp hoàn toàn không sử dụng nợ vay dài hạn đồng thời hạn chế sử dụng nợ vay ngắn hạn (lượng nợ vay ngắn hạn giảm 33,96% so với năm 2011) như một biện pháp giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, các khoản chi phí, thuế phải nộp và chi phí khen thưởng, phúc lợi có phần tăng nhẹ.

Cải tiến về cơ cấu và chính sách

Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn coi trọng vấn đề làm thế nào để có những chính sách nâng cao hiệu quả trong việc quản lý, cải tiến về cơ cấu tổ chức.

Về công tác tổ chức nội bộ

Quan tâm xây dựng một môi trường văn hóa làm việc hợp tác, thân thiện và trách nhiệm. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên phát huy và thăng tiến, tổ chức huấn luyện và nâng cao nghiệp vụ ngày càng chuyên nghiệp cho CB-CNV Công ty.

Tổ chức Đại hội Công Đoàn nhiệm kỳ 2012-2015. Quan tâm vấn đề dân chủ cơ sở, mọi vấn đề đều được đưa ra bàn bạc và thảo luận, tôn trọng ý kiến người người lao động và tuân thủ quy định của pháp luật.



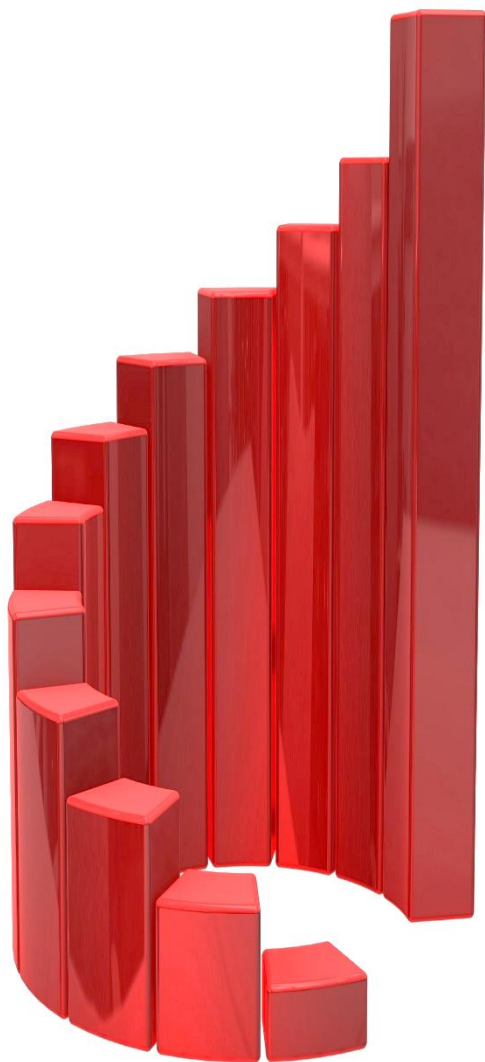
Công tác an ninh, an toàn Doanh nghiệp

Thực hiện và triển khai tốt các kế hoạch do cơ sở ban ngành liên quan đề ra. Tích cực và tham gia thực hiện tốt tuần lễ quốc gia an toàn phòng chống cháy nổ - an toàn lao động tại đơn vị và đã tổ chức huấn luyện bảo hộ lao động và PCCC cho tất cả CB-CNV.

Xây dựng phương án trực bảo vệ hàng ngày để đảm bảo công tác an toàn kho bãi, không để xảy ra những sự cố về mất mát tài sản.

Quan tâm và thực hiện tốt công tác quản lý và bảo quản tài sản Công ty, đặc biệt là vào những ngày cao điểm và nghỉ lễ.

Công tác trọng tâm khác



Quản triệt tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện đồng bộ trong tất cả cán bộ và người lao động. Thắt chặt các khoản chi tiêu không hoặc chưa cần thiết nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Đào tạo, tập huấn trong Quý 1/2012: Đào tạo về kỹ thuật máy tính tiền Casio cho nhân viên kinh doanh và kỹ thuật Casio (14 người x 8 giờ).

Công ty duy trì thực hiện chính sách chất lượng ISO: 9001 – 2008.

Thường xuyên triển khai thực hiện và kiểm soát công tác tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết. Thắt chặt các khoản chi tiêu không hoặc chưa cần thiết nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác đào tạo: thường xuyên cử Cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn.

Kế hoạch tương lai

Năm 2013, Ban Tổng giám đốc tiến hành, triển khai cụ thể các định hướng phát triển của Hội đồng quản trị:

Duy trì thị phần, thị trường phân phối các sản phẩm điện – điện tử

Giảm tỷ trọng doanh số của nhãn hàng Samsung, tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm phân phối, đa dạng cách tiếp cận thị trường; xây dựng và triển khai chính sách hợp tác hiệu quả và chất lượng hơn nữa với các đại lý cấp 2.

Phát triển dịch vụ bảo hành, du lịch

Hoàn thiện hệ thống Trung tâm dịch vụ chăm sóc khách hàng và bảo hành sản phẩm điện – điện tử tại Hà Nội và các Trung tâm tại Đà Nẵng, Cần Thơ. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện ngành kinh doanh dịch vụ phục vụ du lịch kết hợp khai thác hiệu quả cơ sở vật chất sẵn có tại Chi nhánh TIE Phú Quốc.

Nâng cao năng lực sản xuất

Phát triển sản xuất sản phẩm quang báo theo hợp đồng với các ngân hàng và các doanh nghiệp kinh doanh vàng lớn; Hoàn thiện thương hiệu và phát triển thị trường cho sản phẩm bếp từ, siêu thuốc. Sản xuất, gia công các sản phẩm từ dự án hợp tác với Trung tâm nghiên cứu và một số doanh nghiệp trong nước.

Đầu tư, hợp tác hiệu quả

Triển khai dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh thương mại, đảm bảo hiệu quả sản phẩm được nghiên cứu sản xuất được thị trường chấp nhận ngay.

Triển khai xây dựng và khai thác “Khu bán hàng lưu niệm và nhà hàng” thuộc giai đoạn 01 – Dự án khai thác 7.825,9m² đất công ty tại Phú Quốc.

Cùng đối tác EXIMLAND sớm hoàn thành các thủ tục hành chính để dự án 376 Điện Biên Phủ sớm đi vào khởi công xây dựng “Bệnh viện đa khoa quốc tế” trong năm 2013.

Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2013

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	So với 2012
Tổng doanh thu	351.010.489.347	370.000.000.000	105,41%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	288.465.715.575	323.200.000.000	112,04%
Doanh thu hoạt động tài chính	55.155.443.907	40.800.000.000	73,97%
Thu nhập khác	7.389.329.865	6.000.000.000	81,20%
Lợi nhuận trước thuế	29.742.424.573	29.000.000.000	97,50%

(Đơn vị tính: VNĐ)

Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh 2013

o **Giải pháp về thị trường**

Triển khai tái cấu trúc mô hình quản lý kinh doanh theo hướng Giám đốc ngành hàng nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và khả năng nắm bắt thị trường và kịp thời xây dựng các giải pháp bán hàng đảm bảo mục tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Đa dạng hóa các sản phẩm phân phối nhằm tận dụng tốt nhất nguồn lực hiện nay của TIE về tài chính, hệ thống phân phối.

Đối với thị trường hiện tại: Tiếp tục tái cấu trúc, đánh giá lại hệ thống đại lý, ngưng hợp tác với những đại lý có mức rủi ro tài chính cao; Tăng doanh số và phát triển các đại lý cấp 01, đại lý cấp 02 có tiềm năng tốt; Triển khai xây dựng các chính sách kinh doanh, chính sách đại lý thân thiết, đảm bảo duy trì thị phần phân phối và thị trường khi triển khai phân phối sản phẩm mới; Tạo sự gắn kết lâu dài giữa Công ty TIE và đại lý với mục tiêu và triết lý kinh doanh “Hợp tác kinh doanh, chia sẻ lợi nhuận”.

Triển khai phân phối màn hình vi tính LG (dự kiến trong năm 2013), xây dựng các giải pháp bán hàng hiệu quả cho màn hình máy tính Philip nhằm từng bước giảm phụ thuộc doanh số vào 01 nhãn hàng Samsung. Phát triển kênh kinh doanh dự án nhằm hỗ trợ các đối tác và xem đây là tiền đề nhằm tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm phân phối trong những năm sau. Hợp tác với thương hiệu GIGABYTE triển khai các chương trình bán hàng hiệu quả nhằm quảng bá và phát triển thị trường sản phẩm máy tính xách tay GIGABYTE tại Việt Nam.

Phát triển thị trường mới: Thâm nhập vào các thị trường ngách, Xây dựng và triển khai chương trình tiếp thị và bán hàng trực tiếp (máy tính xách tay, thiết bị lưu trữ thương hiệu Adata, các phụ kiện máy tính khác và bếp từ, bếp quang, siêu thuốc) dành cho đối tượng sinh viên – học sinh, người lao động.

Tăng cường hoạt động kinh doanh sản phẩm điện máy, điện tử tiêu dùng tại Chi nhánh TIE Phú Quốc và triển khai kinh doanh lĩnh vực này tại Chi nhánh TIE Cần Thơ. Phát triển, hợp tác với các công ty du lịch lữ hành trong và ngoài nước nhằm phát huy tối đa hiệu quả kinh doanh dịch vụ du lịch tại Chi nhánh TIE Phú Quốc.

- ***Công tác tài chính, đầu tư***

Quản lý tốt dòng tiền, tiến độ, hiệu quả sản xuất kinh doanh để tăng vòng quay và hiệu quả sử dụng vốn.

Hạn chế đầu tư vào chứng khoán khi tình hình thị trường chưa khởi sắc và chính sách quản lý vĩ mô về thị trường chứng khoán của nhà nước chưa có thay đổi nhằm tạo thuận lợi cho nhà đầu tư.

Xem xét, đánh giá, lập phương án đầu tư những dự án khả thi, phù hợp với giá trị kinh doanh cốt lõi đã được xác định trong Đề án tái cấu trúc Công ty cổ phần TIE. Rà soát phân loại các dự án sản xuất kinh doanh, đầu tư kém hiệu quả để có giải pháp khắc phục hoặc ngừng thực hiện.

- ***Đào tạo, tái cơ cấu nguồn nhân lực***

Xây dựng, điều chỉnh Quy trình quản lý, điều hành Hệ thống sản xuất kinh doanh và các quy trình làm việc nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất làm việc của cán bộ công nhân viên công ty theo các tiêu chuẩn của ISO 9001:2008

Điều chỉnh mô tả công việc và phương thức đánh giá kết quả công việc, hệ thống thang bảng lương, thưởng gắn với trách nhiệm công việc, hiệu quả lao động và sự đóng góp cho công ty; đồng thời, nâng cao hiệu suất làm việc của nhân viên.

Tổ chức, hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nghiệp vụ bán hàng, kỹ năng làm việc, khám phá năng lực bản thân, kỹ năng làm việc tập thể...

- ***Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh***

Khoán chi phí kinh doanh, chi phí lương, chi phí thực hiện các chương trình hỗ trợ bán hàng, phát huy vai trò lãnh đạo và trách nhiệm của cá nhân trong việc nâng cao hiệu quả làm việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Người đứng đầu các phòng ban, chi nhánh chịu trách nhiệm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao và nhiệm vụ được phân công phụ trách theo đúng tiến độ, chất lượng đã cam kết.

- ***Hợp tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, giải pháp kỹ thuật vào sản xuất – kinh doanh***

Tiếp tục hợp tác với các trung tâm khoa học và công nghệ nhằm nghiên cứu, thử nghiệm một số đề tài phù hợp nhu cầu thị trường nhằm hướng đến việc sản xuất, thương mại hóa sản phẩm. Chủ động thị trường tiêu thụ thông qua việc hợp tác với Doanh nghiệp trong và ngoài nước đang sử dụng các sản phẩm nhập khẩu nhưng giá thành cao hoặc chất lượng không đảm bảo.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020, trong năm 2013, TIE sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc nhằm xây dựng Dự án liên doanh, liên kết sản xuất sản phẩm chủ lực phục vụ cho ngành công nghiệp phụ trợ trong lĩnh vực điện - điện tử.

- ***Văn hóa doanh nghiệp***

Tiếp tục xây dựng, phát triển văn hóa doanh nghiệp thành các giá trị cốt lõi trong công ty, đảm bảo sự phát triển bền vững theo các giá trị mà công ty đã xây dựng trong suốt thời gian qua “Hợp tác kinh doanh – Chia sẻ lợi nhuận”.

- ***Truyền thông, xây dựng hình ảnh, thương hiệu TIE***

Xây dựng chiến lược truyền thông bài bản, làm nổi bật thương hiệu và các giá trị cốt lõi của Công ty TIE. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo đồng thuận trong xã hội về hoạt động kinh doanh của công ty.

Thực hiện nghiêm các quy định về công bố báo cáo tài chính, thông tin kinh doanh và điều hành theo quy định của pháp luật.

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



Tình hình tổ chức và nhân sự

Tình hình quản trị Công ty

Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc



Ông Vũ Quốc Vinh

Phó Tổng giám đốc



Ông Đoàn Vinh Quang

Kế toán trưởng



Bà Phạm Thúy Oanh

Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc

Ông Vũ Quốc Vinh – Tổng Giám đốc

Số CMND : 020781403 – cấp ngày 02/04/2007 tại CA TP.HCM

Ngày tháng năm sinh : 14/04/1962

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác

- 1985 - 1992 : Phó quản đốc Nhà máy Thuốc Lá Bến Thành
- 1993 - 2006 : Giám đốc nhà máy trực thuộc Công ty Thuốc Lá Bến Thành
- 2006 – 2010 : Giám đốc nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
- 12/2010 : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE

Chức vụ tại TIE : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE

Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 478.495 cổ phần. Trong đó

- Cá nhân : 0
- Ủy quyền : 478.495 (đại diện phần vốn Nhà nước)

Ông Đoàn Vinh Quang – Phó Tổng Giám đốc

Số CMND : 022516389 – cấp ngày 13/03/2006 tại CA TPHCM

Ngày tháng năm sinh : 15/02/1974

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân QTKD – Cử nhân Luật

Quá trình công tác

- 1998 – 2000 : Giám sát bán hàng Công ty LG Vina
- 2000 – 2001 : Giám đốc Kinh doanh Công ty Việt Thái Quốc tế (Highland Coffee)
- 2002 – 2005 : Giám đốc Nhãn hiệu Công ty Unilever Bestfood
- 2005 – 2006 : Giám đốc Kinh doanh Tiếp thị Công ty Nettra
- 2006 – 2007 : Giám đốc Kinh doanh toàn quốc Công ty Mesa
- 2007 – 2008 : Giám đốc Kinh doanh cấp cao Công ty Cổ phần TIE
- 07/2008 – nay : Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần TIE

Chức vụ tại TIE : Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty Cổ phần TIE

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần.

Bà Phạm Thúy Oanh – Kế toán trưởng

Số CMND : 022323777 – cấp ngày 07/10/2007 tại CA TPHCM

Ngày tháng năm sinh : 24/12/1972

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh (ĐH Kinh Tế TP.HCM)

Quá trình công tác

- 1997 – 06/2007 : Chuyên viên Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp TP.Hồ Chí Minh, Chi cục tài chính doanh nghiệp TP.HCM.
- 07/2007 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TIE 2002 – 2005

Chức vụ tại TIE : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TIE

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ & được ủy quyền: 0 cổ phần.

Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Trần Thị Bé Ba	Phó Tổng Giám Đốc	01/10/2012	Về hưu theo luật

Cơ cấu Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Vũ Đức Dũng

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Vũ Quốc Vinh



Ông Đoàn Vinh Quang



Bà Phạm Thúy Oanh

Những thay đổi Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ghi chú
1	Ông Lâm Quan Việt Hải	Thành viên HĐQT	05/09/2012	Miễn nhiệm theo Quyết định số 08/2012/QĐ-HĐQT
2	Bà Trần Thị Bé Ba	Thành viên HĐQT	01/10/2012	Về hưu theo luật
3	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT	27/04/2012	Mãn nhiệm kỳ

Cơ cấu Ban kiểm soát



Số lượng cán bộ, công nhân viên

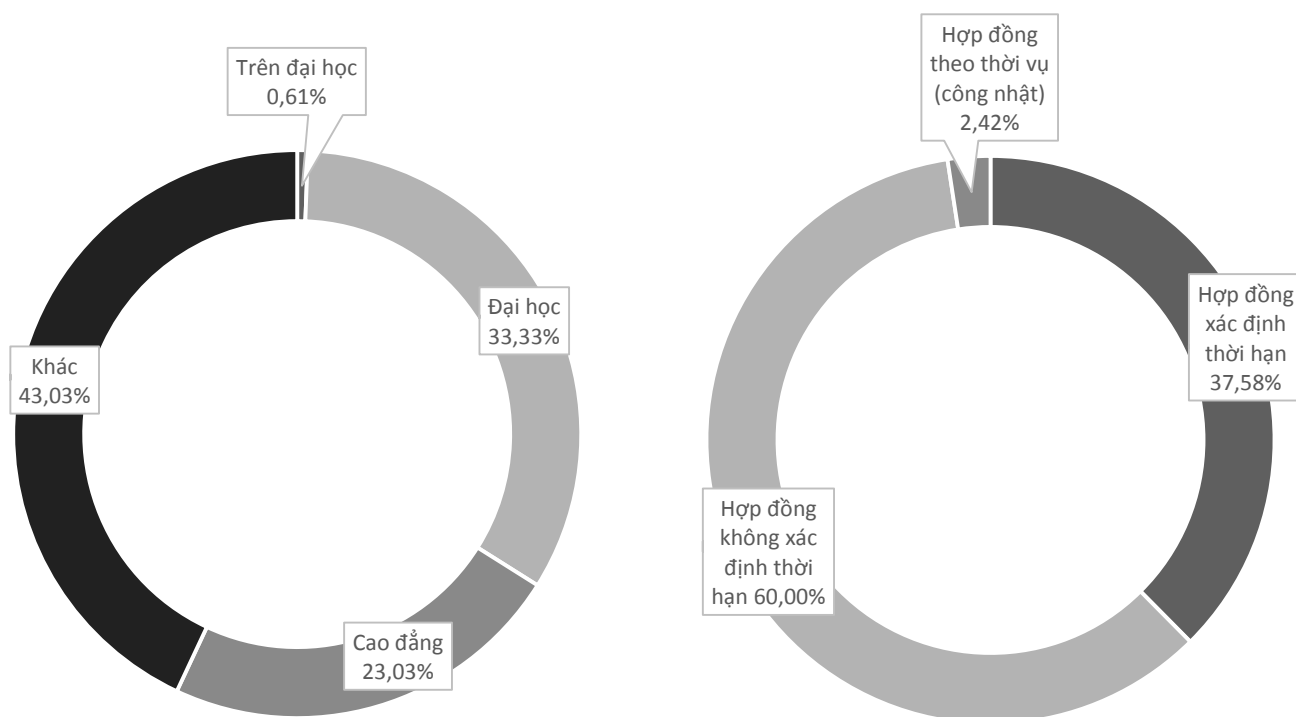
Dưới đây là bảng thống kê số lượng cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần TIE dựa trên Trình độ lao động và Tính chất hợp đồng lao động (Danh sách chốt ngày 31/12/2012)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	165	100%
1	Đại học và trên Đại học	56	33,94%
2	Cao đẳng	38	23,03%
3	Khác	71	43,03%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	165	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	62	37,58%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	99	60,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	4	2,42%

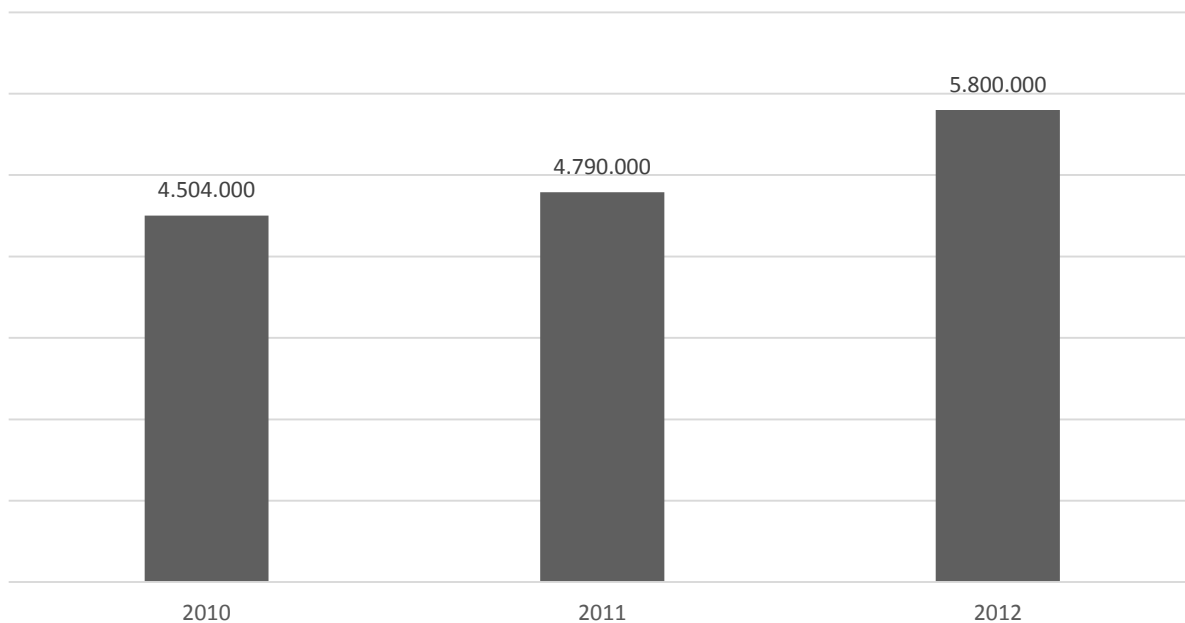
Kết thúc năm 2012, Công ty cổ phần TIE thống kê tổng cộng **165** lao động; trong đó trình độ Đại học và trên Đại học chiếm **33,94%**, Cao đẳng chiếm **23,03%** và lao động khác chiếm **43,03%**.

Xét theo tính chất hợp đồng lao động, số hợp đồng có thời hạn chiếm **37,58%**, không xác định thời hạn chiếm **60%** và **2,42%** là lao động công nhật.

Tổng quan tình hình lao động Công ty cổ phần TIE



Lương bình quân



Chính sách cho người lao động

Ban Tổng Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động, ổn định về nhân sự và tạo sự yên tâm công tác cho người lao động, cụ thể các nội dung sau:

- Ký hợp đồng lao động theo đúng quy định với tất cả người lao động làm việc tại Công ty. Khi ký hợp đồng chính thức, người lao động được tham gia BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp và được giải quyết các chế độ liên quan.
- Tổ chức tổng kết – thi đua khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2011. Tất cả CB-CNV có thời gian công tác theo đúng quy định sẽ được nhận lương tháng 13 và khen thưởng thi đua theo phân loại A,B,C. Tổng Giám đốc đã đến thăm, chúc Tết và động viên các CB-CNV có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán.
- Tổ chức cho nhân viên nữ đi tham quan Bình Châu nhân dịp 8/3.
- Tiến hành đăng ký lại thang bảng lương với Sở LĐ TB&XH (từ ngày 01/5/2012 theo quy định của nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu từ 830.000đ lên 1.050.000đ)
- Tặng quà cho tất cả các cháu thiếu nhi con CB-CNV nhân dịp Tết Thiếu nhi 1/6.
- Tổ chức ký kết Thỏa ước Lao động tập thể ngày 06/06/2012, gửi hồ sơ đăng ký theo đúng qui định đồng thời nghiêm túc thực hiện tốt việc chăm lo các chế độ khác cho người lao động theo nội dung thỏa ước.
- Tổ chức cho CB-CNV tham quan nghỉ mát tại Campuchia từ 12/07/2012 – 15/07/2012.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB-CNV ngày 21/07/2012.
- Đảm bảo điều kiện làm việc hiện đại, đạt tiêu chuẩn: văn phòng và các chi nhánh, xưởng đều có gắn máy lạnh, quạt hút thông gió; bàn làm việc đúng quy cách, bảo đảm an toàn điện; nhà ăn khối văn phòng sạch sẽ, thông thoáng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tình hình quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Đức Dũng	Chủ tịch	- 10 lần dự họp - 3 lần lấy ý kiến bằng văn bản	100%	Không có
2	Ông Vũ Quốc Vinh	Thành viên	- 10 lần dự họp - 3 lần lấy ý kiến bằng văn bản	100%	Không có
3	Bà Trần Thị Bé Ba	Thành viên (nhiệm kỳ II)	- 3 lần dự họp	100%	Không có
4	Ông Lâm Quan Việt Hải	Thành viên (miễn nhiệm từ 05/09/2012)	- 4 lần dự họp - 3 lần lấy ý kiến bằng văn bản - 2 lần vắng họp	77,78%	Đi công tác
5	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên (nhiệm kỳ II)	- 3 lần dự họp	100%	Không có
6	Ông Đoàn Vinh Quang	Thành viên (nhiệm kỳ III)	- 7 lần dự họp - 3 lần lấy ý kiến bằng văn bản	100%	Không có
7	Bà Phạm Thúy Oanh	Thành viên (nhiệm kỳ III)	- 7 lần dự họp - 3 lần lấy ý kiến bằng văn bản	100%	Không có

2. Hoạt động giám sát Ban Tổng Giám đốc của Hội đồng quản trị

- Phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2012 (ĐHĐCĐ 2012)
- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2011
- Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh, các dự án thực hiện trong 2011 và thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2012 tại các kỳ họp HĐQT.
- Giám sát, tư vấn, đưa ra các giải pháp, chiến lược để việc kinh doanh trong năm đạt hiệu quả.

3. Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Không có

4/ Các nghị quyết / quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2012

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2012/NQ-HĐQT	05/03/2012	Thanh toán cổ tức năm 2011 (14%/ cổ phiếu)
2	02-2012/NQ-HĐQT	05/03/2012	Thông qua phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2012
3	03-2012/NQ-HĐQT	05/03/2012	Thông qua chủ trương chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty cổ phần TIE tại Công ty TNHH dụng cụ điện Việt Nam (PTV) cho Công ty TNHH Applied Technology Precision (ATP)
4	04-2012/NQ-HĐQT	29/03/2012	Giao Tổng Giám Đốc thực hiện chuyển nhượng vốn của TIE tại PTV sau khi trình xin ý kiến Chủ tịch về kết quả kiểm toán và giá chuyển nhượng.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
5	05-2012/NQ-HĐQT	29/03/2012	Trình ĐHCĐ 2012 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty trên Giấy Đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty; bổ sung thông tin về Chi nhánh Công ty cổ phần TIE tại Phú Quốc vào Giấy Đăng ký kinh doanh của Công ty.
6	06-2012/NQ-HĐQT	17/04/2012	Đề cử ứng cử viên tham gia ứng cử HĐQT và BKS Công ty CP TIE nhiệm kỳ III
7	07-2012/NQ-HĐQT	27/04/2012	Phân công nhân sự trong HĐQT: Ông Vũ Đức Dũng giữ vị trí Chủ tịch.
8	08-2012/NQ-HĐQT	06/06/2012	Thống nhất thuê Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2012.
9	09-2012/NQ-HĐQT	26/06/2012	Thống nhất mời các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định lại mức giá khởi điểm khu đất Bình Chuẩn để tiến hành thủ tục bán đấu giá theo đúng qui trình và qui định của pháp luật hiện hành.
10	10-2012/NQ-HĐQT	18/06/2012	Thống nhất giá trị chuyển nhượng phần vốn góp của TIE tại PTV.
11	11-2012/NQ-HĐQT	27/06/2012	Thống nhất xin ý kiến cổ đông bằng văn bản v/v bổ sung ngành nghề kinh doanh vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP TIE.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	12-2012/NQ-HĐQT	08/08/2012	Thống nhất chủ trương cùng đối tác mua lại Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Bà Rịa – Vũng Tàu. Tái cấu trúc phòng kinh doanh Mở chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng
13	08/2012/QĐ-HĐQT	05/09/2012	Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty CP TIE đối với Ông Lâm Quan Việt Hải từ ngày 05/09/2012.
14	13-2012/NQ-HĐQT	26/09/2012	Bà Trần Thị Bé Ba thôi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc công ty từ 01/10/2012 (về hưu theo luật) Cử Ông Vũ Quốc Vinh – Tổng Giám đốc Công ty thay Bà Trần Thị Bé Ba làm đại diện quản lý phần vốn góp của TIE và tham gia vào HĐQT Công ty CP Đầu tư TIE-EXIM và Công ty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương từ 01/10/2012. Thành lập Phòng Chiến lược.
15	14-2012/NQ-HĐQT	09/10/2012	Thống nhất xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh doanh thu năm 2012.
16	15-2012/NQ-HĐQT	09/10/2012	Thông qua đề án tái cơ cấu công ty. Thành lập tổ công tác làm việc với Công ty TNHH Savina.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động theo Quy chế hoạt động của BKS ban hành ngày 30/10/2009, Điều lệ Công ty.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công. Cơ cấu ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2012-2016) gồm 3 người, hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm. Mỗi quý, Ban kiểm soát đều có hoạt động thẩm tra hoạt động tài chính của Công ty, tổ chức các kỳ họp với sự tham dự của đầy đủ 03 thành viên để tham gia góp ý về định hướng điều hành kinh doanh, hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ; các nghị quyết và việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT cũng như các vấn đề liên quan đến quản lý và điều hành của Công ty.

Trong năm qua Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị, yêu cầu nào của quý vị cổ đông gửi đến Ban kiểm soát.

Thẩm tra báo cáo tài chính hàng quý của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và dòng lưu chuyển tiền tệ.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 đã phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh theo đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước.



Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Thù lao	Ghi chú
A	Hội đồng quản trị				
1	Ông Vũ Đức Dũng	-	-	170.000.000	
2	Ông Vũ Quốc Vinh	-	-	125.000.000	
3	Ông Đoàn Vinh Quang	-	-	55.000.000	
4	Bà Phạm Thúy Oanh	-	-	45.000.000	
5	Ông Lâm Quan Việt Hải	87.280.000	48.230.000	75.000.000	Miễn nhiệm
6	Ông Nguyễn Văn Thọ	-	-	20.000.000	Mãn nhiệm kỳ
B	Ban điều hành				
2	Ông Vũ Quốc Vinh	449.280.000	175.300.000	-	
3	Ông Đoàn Vinh Quang	354.130.000	119.750.000	-	
4	Bà Phạm Thúy Oanh	248.160.000	91.060.000	-	
5	Bà Trần Thị Bé Ba	260.820.000	129.940.000	70.000.000	Về hưu theo luật
C	Ban kiểm soát				
1	Ông Thân Nam Y	-	-	51.000.000	
2	Ông Đặng Chu Dũng	242.650.000	91.650.000	33.000.000	
3	Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư	127.350.000	50.110.000	28.000.000	

2. Giao dịch cổ phiếu

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đồng nội bộ/ cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Chị ruột Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư	500	0,0052%	1.500	0,0157%	Mua qua sàn

3. Hợp đồng và giao dịch khác

Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012



Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính 2012 đã được kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty Cổ phần TIE gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 13 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

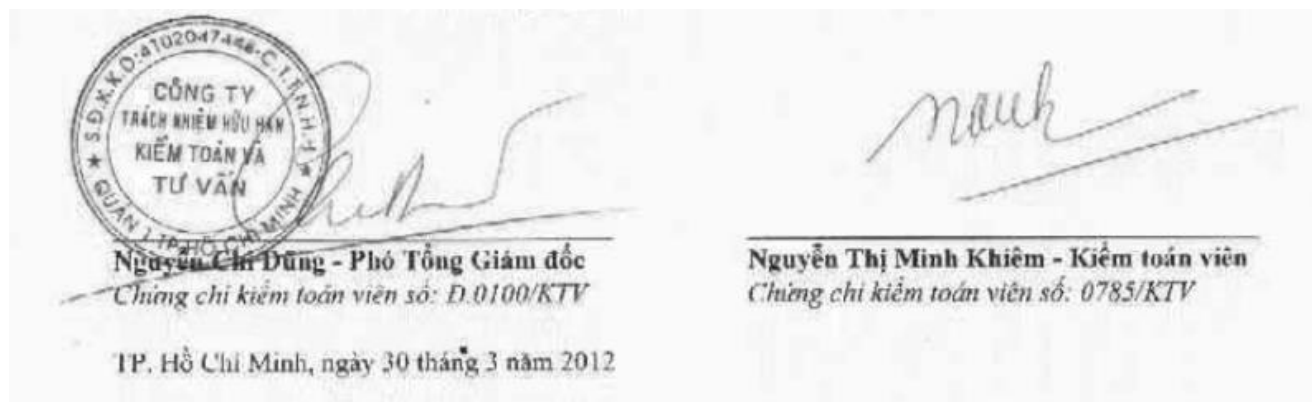
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần TIE tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		168,080,588,328	161,951,634,381
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17,640,183,689	19,517,661,300
1. Tiền	111		6,640,183,689	12,517,661,300
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,000,000,000	7,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,659,359,500	7,924,465,001
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4,323,852,470	14,241,925,736
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2,664,492,970)	(6,317,460,735)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103,986,485,907	82,311,352,760
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	50,193,504,957	47,826,909,757
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	3,390,407,871	2,714,431,434
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	56,208,572,700	37,576,011,190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5,805,999,621)	(5,805,999,621)
IV. Hàng tồn kho	140		39,859,262,344	46,376,037,663
1. Hàng tồn kho	141	V.8	47,183,512,355	52,367,625,993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(7,324,250,011)	(5,991,588,330)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,935,296,888	5,822,117,657
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	232,047,315	132,333,429
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		219,002,737	1,353,631,022
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	690,030,771	690,030,771
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	3,794,216,065	3,646,122,435

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134,498,589,373	132,664,284,592
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17,191,030,450	15,618,102,962
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	10,358,177,828	10,284,437,952
	<i>Nguyên giá</i>	222		19,213,867,146	18,121,162,511
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,855,689,318)	(7,836,724,559)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	5,425,030,640	4,995,039,818
	<i>Nguyên giá</i>	228		5,896,832,946	5,380,992,840
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(471,802,306)	(385,953,022)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	1,407,821,982	338,625,192
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.16	26,197,183,437	26,773,636,617
	<i>Nguyên giá</i>	241		28,610,873,830	28,610,873,830
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(2,413,690,393)	(1,837,237,213)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90,433,995,020	89,044,462,467
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	64,105,056,000	62,973,201,366
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	28,285,558,448	28,385,814,448
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(1,956,619,428)	(2,314,553,347)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		676,380,466	1,228,082,546
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	676,380,466	1,228,082,546
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		302,579,177,701	294,615,918,973

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

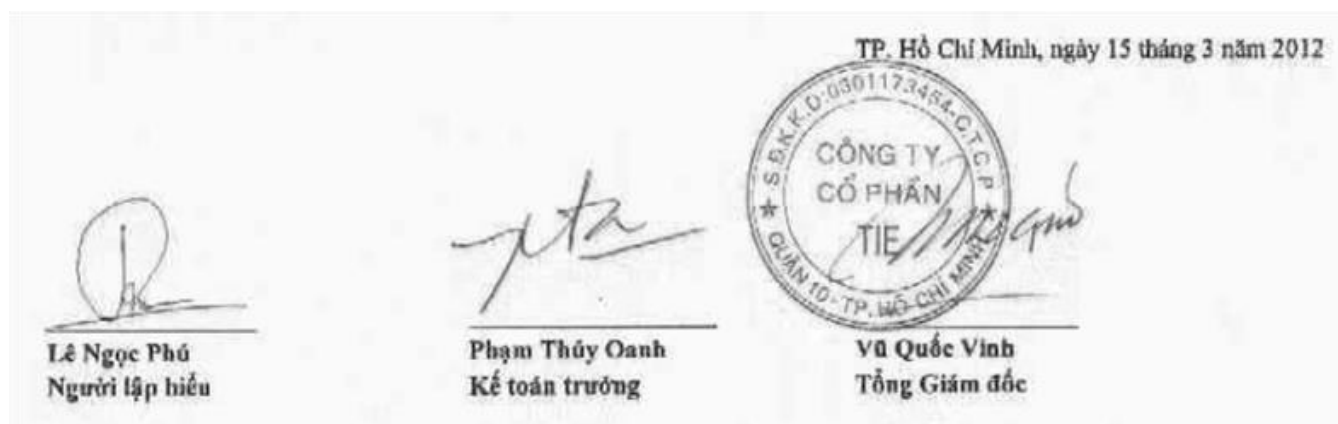
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		55,625,872,448	56,571,572,150
I.	Nợ ngắn hạn	310		55,625,872,448	56,520,033,038
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	29,138,134,888	44,120,677,000
2.	Phải trả người bán	312	V.23	17,628,515,056	6,834,313,362
3.	Người mua trả tiền trước	313		73,419,088	76,429,642
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	573,668,558	171,878,596
5.	Phải trả người lao động	315		-	6,100,000
6.	Chi phí phải trả	316	V.25	3,539,475,222	1,209,643,693
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	1,353,145,881	1,213,519,374
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	3,319,513,755	2,887,471,371
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	51,539,112
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	51,539,112
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		246,953,305,253	238,044,346,823
I.	Vốn chủ sở hữu	410		246,953,305,253	238,044,346,823
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	95,699,000,000	95,699,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-

7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	124,969,383,392	117,533,777,249
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	11,025,017,419	11,025,017,419
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	15,259,904,442	13,786,552,155
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		302,579,177,701	294,615,918,973

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		16,880,235,418	8,388,259,955
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,317,737,655	1,317,737,655
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		4,715.13	29,365.89
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

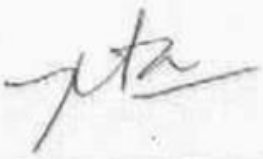
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	293,558,489,999	356,395,391,872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5,092,774,424	971,438,452
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	288,465,715,575	355,423,953,420
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	279,521,217,479	347,314,588,678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,944,498,096	8,109,364,742
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	55,155,443,907	45,096,292,877
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,170,826,795	6,676,074,006
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,109,249,707	1,696,335,247
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	22,147,816,141	14,507,753,929
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13,182,678,912	13,963,454,161
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22,598,620,155	18,058,375,523
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7,389,329,865	13,136,425,362
12. Chi phí khác	32	VI.8	245,525,447	112,536,214
13. Lợi nhuận khác	40		7,143,804,418	13,023,889,148
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29,742,424,573	31,082,264,671
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29,742,424,573	31,082,264,671
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3,108	3,248

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012



Lê Ngọc Phú
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Vũ Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

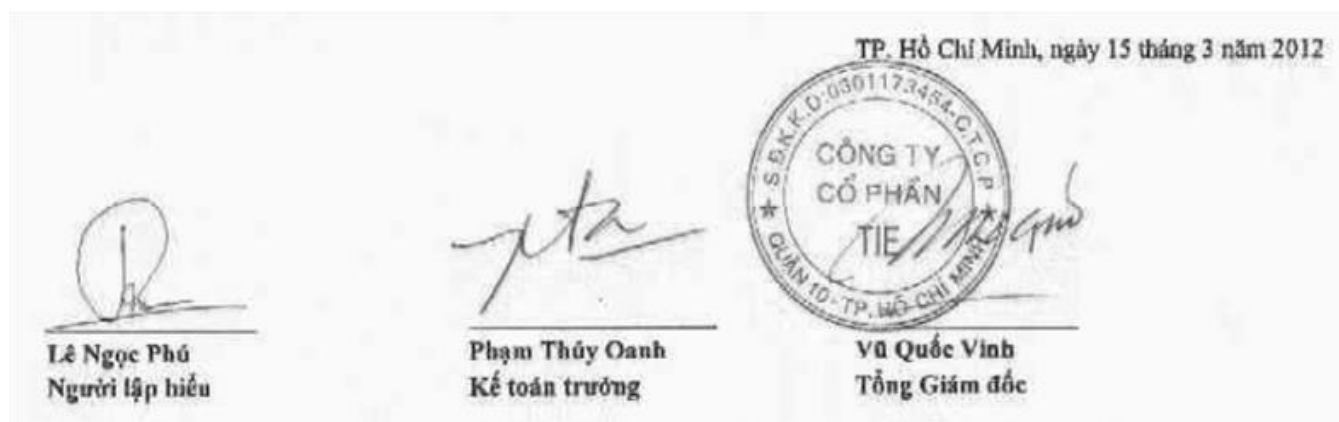
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		29,742,424,573	31,082,264,671
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.13, 14, 16	1,681,267,223	1,681,808,706
-	Các khoản dự phòng	03		1,190,295,438	5,515,465,737
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, 4	2,743,404	(7,272,394)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4	(54,238,757,432)	(47,730,202,783)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	5,109,249,707	1,696,335,247
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(16,512,777,087)	(7,761,600,816)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,888,598,492)	(22,144,218,415)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,184,113,638	863,413,927
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13,628,024,819	5,666,793,679
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		451,988,194	591,257,384
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(5,229,350,152)	(1,576,234,802)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	438,820,833
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7,003,563,759)	(6,364,227,027)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13,370,162,839)	(30,285,995,237)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13, 14, 15	(2,677,741,531)	(4,068,816,086)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3,552,636,364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,519,621,000)	(1,593,850,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,131,854,634)	(900,174,034)

6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		11,481,471,383	2,530,360,374
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35,626,700,874	47,817,214,682
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39,778,955,092	47,337,371,300

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22	89,334,736,322	96,799,443,085
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22	(104,317,278,434)	(86,800,664,117)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(13,304,145,143)	(24,343,435,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28,286,687,255)	(14,344,656,032)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1,877,895,002)	2,706,720,031
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19,517,661,300	16,798,113,156
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		417,391	12,828,113
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	17,640,183,689	19,517,661,300



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 164 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 162 nhân viên).
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu năm 2012 giảm so với năm trước do tình hình kinh tế năm 2012 tiếp tục khó khăn nhất là đối với ngành nghề kinh doanh mặt hàng điện tử, mặc dù lãi gộp tăng so với năm trước tuy nhiên để giữ thị phần và bán hàng Công ty phải thực hiện các chương trình hỗ trợ bán hàng, các chương trình khuyến mãi làm chi phí bán hàng tăng mạnh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m² đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Dự phòng trợ thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.815 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	453.514.326	473.724.041
Tiền gửi ngân hàng	6.186.669.363	12.043.937.259
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	7.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u><u>17.640.183.689</u></u>	<u><u>19.517.661.300</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4.323.852.470		6.322.910.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	15	60.000	7	60.000

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà	44.000	2.623.600.000	34.000	2.324.100.000
- Công ty Cổ phần Dầu Tường An	-	-	6.000	828.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.000	276.600.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	20.005	443.592.470	108.675	2.190.750.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	7.919.015.736
- Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam	-	-	-	7.919.015.736
Cộng		4.323.852.470		14.241.925.736

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình: tăng do nhận 8 cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà: tăng do mua thêm 10.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 299.500.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dầu Tường An giảm do bán toàn bộ cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: tăng do mua 10.000 cổ phiếu với giá mua là 276.600.000 VND.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: giảm do bán 108.670 cổ phiếu và mua lại 20.000 Cổ phiếu với giá vốn và giá mua lần lượt là 2.190.678.530 VND và 443.521.000 VND.
- Khoản đầu tư ngắn hạn khác giảm do chuyển nhượng khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.664.492.970)	(3.698.257.500)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	(2.619.203.235)
Cộng	(2.664.492.970)	(6.317.460.735)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(6.317.460.735)	(2.877.800.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(615.511.500)	(3.635.103.235)
Hoàn nhập dự phòng	4.268.479.265	195.442.500
Số cuối năm	(2.664.492.970)	(6.317.460.735)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty ⁽ⁱ⁾	49.025.262.863	46.897.904.103
Trong đó		
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	1.003.088.895	247.109.614
Tại Chi nhánh Cần Thơ	234.925.484	228.463.023
Tại Chi nhánh Hà Nội	891.397.860	672.615.131
Tại Chi nhánh Phú Quốc	41.918.750	27.927.500
Cộng	<u>50.193.504.957</u>	<u>47.826.909.757</u>

- (i) Khoản phải thu của Công ty TNHH Tin học điện tử Thuận An là 2.421.569.620 VND liên quan đến các lô hàng bán đang có tranh chấp tại Chi nhánh Hà Nội. Công ty đã lập dự phòng cho toàn bộ khoản phải thu này.

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	3.264.407.871	1.711.416.434
Tại Chi nhánh Phú Quốc	126.000.000	1.003.015.000
Cộng	<u>3.390.407.871</u>	<u>2.714.431.434</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội phải thu	39.669.896	15.522.986
Cổ tức và lợi nhuận được chia	50.400.000.000	33.600.000.000
Công ty Chứng khoán Đông Á	1.041.322.827	261.328.227
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ	-	8.077.570
Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT ⁽ⁱ⁾	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina – chiết khấu	1.421.444.000	-
Các khoản phải thu khác	96.135.977	481.082.407
Cộng	<u>56.208.572.700</u>	<u>37.576.011.190</u>

- (i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:		
Ông Lê Nguyên Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Công ty Cổ phần Điện máy Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Công ty TNHH tin học điện Tử Thuận An	(2.421.569.620)	(2.421.569.620)
Công ty Cổ phần thể hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Cộng	<u>(5.805.999.621)</u>	<u>(5.805.999.621)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	204.164.328	3.069.832.896
Nguyên liệu, vật liệu	1.051.450.497	188.256.275
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.427.635	41.216.504
Thành phẩm	647.548.246	116.837.196
Hàng hóa	45.244.921.649	48.614.645.426
Hàng gửi đi bán	-	336.837.696
Cộng	<u>47.183.512.355</u>	<u>52.367.625.993</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khoản dự phòng giảm giá cho hàng hóa tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(5.991.588.330)	(7.118.974.238)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.365.238.962)	-
Hoàn nhập dự phòng	32.577.281	1.127.385.908
Số cuối năm	<u>(7.324.250.011)</u>	<u>(5.991.588.330)</u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	211.977.273	117.564.772
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	3.027.273
Tại Chi nhánh Phú Quốc	20.070.042	11.741.384
Cộng	<u>232.047.315</u>	<u>132.333.429</u>

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

12. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý ⁽ⁱ⁾	3.458.322.435	3.458.322.435
Tạm ứng	280.893.630	132.800.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	<u>3.794.216.065</u>	<u>3.646.122.435</u>

⁽ⁱ⁾ Giá trị hàng tồn kho bị mất mát tại Chi nhánh Hà Nội. Khoản này đã được lập dự phòng toàn bộ vào cuối năm 2010.

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.713.714.365	571.328.984	4.002.861.860	833.257.302	18.121.162.511
Mua sắm mới	250.000.000	99.275.091	592.249.635	151.179.909	1.092.704.635
Số cuối năm	<u>12.963.714.365</u>	<u>670.604.075</u>	<u>4.595.111.495</u>	<u>984.437.211</u>	<u>19.213.867.146</u>

Trong đó:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	568.062.102	548.147.166	255.000.000	609.620.766	1.980.830.034
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.245.140.229	549.182.190	1.366.946.750	675.455.390	7.836.724.559
Khấu hao trong năm	489.400.476	16.102.166	402.140.510	111.321.607	1.018.964.759
Số cuối năm	5.734.540.705	565.284.356	1.769.087.260	786.776.997	8.855.689.318
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.468.574.136	22.146.794	2.635.915.110	157.801.912	10.284.437.952
Số cuối năm	7.229.173.660	105.319.719	2.826.024.235	197.660.214	10.358.177.828
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý và bản quyền phần mềm	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Mua sắm mới	-	515.840.106	515.840.106
Số cuối năm	858.492.840	5.038.340.106	5.896.832.946
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	385.953.022	-	385.953.022
Khấu hao trong năm	85.849.284	-	85.849.284
Số cuối năm	471.802.306	-	471.802.306
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	472.539.818	4.522.500.000	4.995.039.818
Số cuối năm	386.690.534	5.038.340.106	5.425.030.640

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
XDCB dở dang:			
Chi phí xây dựng Văn phòng Phú Quốc	166.784.416	1.069.196.790	1.235.981.206
Thiết kế cửa hàng kinh doanh sản phẩm điện - điện tử tin học	81.818.182	-	81.818.182
Các công trình khác	90.022.594	-	90.022.594

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Cộng	338.625.192	1.069.196.790	1.407.821.982

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	28.610.873.830
Số cuối năm	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.837.237.213
Khấu hao trong năm	576.453.180
Số cuối năm	2.413.690.393
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	26.773.636.617
Số cuối năm	26.197.183.437

Bất động sản đầu tư gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina ⁽ⁱ⁾	53.665.056.000	53.665.056.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE EXIM ⁽ⁱⁱ⁾	10.440.000.000	9.308.145.366
Cộng	64.105.056.000	62.973.201.366

(i) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m² đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3.492.000 USD hay 53.665.056.000 VND trong vòng 20 năm kể từ năm 1995, tương đương 20% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 10.440.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu các đơn vị sau:				
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	730.078	8.182.728.448	822.289	10.782.984.448
Công ty Cổ phần vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Công ty Cổ phần dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Công ty Cổ phần bất động sản Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
Cộng		28.285.558.448		28.385.814.448

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam giảm do trong năm Công ty bán 232.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 2.600.256.000 VND và nhận 139.789 cổ phiếu thưởng.
- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần bất động sản Sài Gòn Đông Dương tăng do góp vốn thêm 2,5 tỷ VND tương đương 250.000 cổ phiếu.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.314.553.347)	(1.672.362.058)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(642.191.289)
Hoàn nhập dự phòng	357.933.919	-
Số cuối năm	(1.956.619.428)	(2.314.553.347)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tại Văn phòng Công ty	1.228.082.546	1.053.645.763	(1.627.347.052)	654.381.257
Tại Chi nhánh Cần Thơ	-	20.851.541	(20.851.541)	-
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	22.418.598	(419.389)	21.999.209
Cộng	1.228.082.546	1.096.915.902	(1.648.617.982)	676.380.466

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau là 22.702.395.596 VND (số cuối năm trước là 7.805.473.712 VND).

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

22. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	19.138.134.888	44.120.677.000
Vay Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV ⁽ⁱⁱ⁾	10.000.000.000	-
Cộng	<u>29.138.134.888</u>	<u>44.120.677.000</u>

- (i) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012 thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 12.1462001/HĐTDHM ngày 17 tháng 4 năm 2012. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản tương đương là 70 tỷ VND (bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) với lãi suất là lãi suất công bố tại thời điểm nhận nợ.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012 theo Hợp đồng vay 30N/HĐ/TIE12 ngày 22 tháng 02 năm 2012. Hai bên thỏa thuận nội dung hạn mức cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 10 tỷ VND với lãi suất theo thỏa thuận nhưng không quá lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	44.120.677.000	79.334.736.322	(104.317.278.434)	19.138.134.888
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Cộng	<u>44.120.677.000</u>	<u>89.334.736.322</u>	<u>(104.317.278.434)</u>	<u>29.138.134.888</u>

23. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	16.010.730.868	6.352.295.859
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.617.784.188	482.017.503
Cộng	<u>17.628.515.056</u>	<u>6.834.313.362</u>

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.644.769	405.261.767	(449.906.536)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.470.349	2.711.676.075	(2.723.977.320)	35.169.104
Thuế xuất, nhập khẩu	9.307.910	96.646.699	(105.954.609)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)	-	-	(690.030.771)
Thuế thu nhập cá nhân	70.455.568	1.183.483.392	(715.439.506)	538.499.454
Tiền thuế đất	-	981.368.831	(981.368.831)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Cộng	<u>(518.152.175)</u>	<u>5.387.436.764</u>	<u>(4.985.646.802)</u>	<u>(116.362.213)</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.11).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Tiền bảo hành, màn hình vi tính, máy tính tiền, máy chiếu...	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.742.424.573	31.082.264.671
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	7.587.021.083	3.792.092.367
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.587.438.474	3.808.025.250
- Các khoản điều chỉnh giảm	(417.391)	(15.932.883)
Thu nhập chịu thuế	37.329.445.656	34.874.357.038
Thu nhập được miễn thuế	(52.226.367.540)	(42.679.830.750)
Thu nhập tính thuế	(14.896.921.884)	(7.805.473.712)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Thuế nhà đất

Công ty phải nộp tiền thuế đất đối với các diện tích đất đang sử dụng tại 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh; 912 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh và 52 Thành Thái, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh theo thông báo của cơ quan thuế. Công ty cũng thực hiện nộp thuế phi nông nghiệp cho các diện tích đất tại và 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, 7.825,9 m² đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và 38.887,9 m² đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng	2.816.462.220	959.838.000
Chi phí lương	619.990.000	52.942.098
Chi phí lãi vay	-	120.100.445
Các khoản phải trả khác	103.023.002	76.763.150
Cộng	3.539.475.222	1.209.643.693

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	56.718.004	49.975.824
Thù lao HĐQT	439.790.771	329.868.034
Cổ tức phải trả	455.463.857	361.749.000
Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Exim - theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03/HĐTIE09	-	345.115.075
Các khoản phải trả khác	401.173.249	126.811.441
Cộng	1.353.145.881	1.213.519.374

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.887.471.371	3.313.035.812
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	6.543.333.406	5.282.748.687
Chi quỹ	(6.111.291.022)	(5.708.313.128)
Số cuối năm	3.319.513.755	2.887.471.371

28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	66.990.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	28.709.000.000	28.709.000.000
Cộng	95.699.000.000	95.699.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm nay là 13.304.145.143 VND (năm trước là 24.343.435.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.569.900	9.569.900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	293.558.489.999	356.395.391.872
- Doanh thu bán hàng hóa	266.711.767.383	331.197.818.479
- Doanh thu bán thành phẩm	4.015.400.029	1.888.984.294
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	948.414.818	246.708.978
- Doanh thu khác	7.545.455	116.963.638
- Doanh thu bán hàng hóa của Chi nhánh Phú Quốc	12.239.492.955	15.123.252.382
- Doanh thu bán hàng hóa của Chi nhánh Hà Nội	6.376.939.403	6.621.591.482
- Doanh thu bán hàng hóa của Chi nhánh Cần Thơ	3.258.929.956	1.200.072.619
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.092.774.424)	(971.438.452)
Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần	288.465.715.575	355.423.953.420

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	3.945.472.129	1.698.289.497
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	257.228.207.264	326.775.406.918
Giá vốn của Chi nhánh Phú Quốc	9.673.512.166	11.552.616.336
Giá vốn của Chi nhánh Hà Nội	5.714.537.066	6.131.988.273
Giá vốn của Chi nhánh Cần Thơ	2.959.488.854	1.156.287.654
Cộng	279.521.217.479	347.314.588.678

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	200.333.334	1.237.383.932
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	168.578.482	306.025.146
Cổ tức, lợi nhuận được chia	52.226.367.540	42.679.830.750
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	788.101	486.961.212
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	820.458	19.376.463
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	420.021.316	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	2.138.534.676	366.715.374
Cộng	55.155.443.907	45.096.292.877

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.109.249.707	1.696.335.247
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	326.478.118	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	117.888.312	802.592.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.563.862	12.104.069
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn và dài hạn	277.655.073	4.081.852.024
Chiết khấu thanh toán	319.847.747	-
Chi phí khác	16.143.976	83.189.974
Cộng	6.170.826.795	6.676.074.006

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.423.819.275	5.247.337.831
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.596.439	21.307.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	694.862.267	688.676.620
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	126.915.807	191.544.046
Chi phí bảo hành	564.187.508	187.285.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.910.491.013	2.734.628.432
Chi phí bằng tiền khác	9.403.943.832	5.436.973.899
Cộng	22.147.816.141	14.507.753.929

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.187.277.479	4.994.686.604
Chi phí vật liệu quản lý	175.994.074	145.659.107
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.600.187	133.251.296
Chi phí khấu hao TSCĐ	985.376.169	993.132.086
Thuế, phí và lệ phí	485.994.694	371.574.265
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi tại Chi nhánh Hà Nội	-	2.560.999.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.257.729.697	1.585.272.332
Chi phí bằng tiền khác	3.926.706.612	3.178.878.850
Cộng	13.182.678.912	13.963.454.161

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	7.152.323.351	9.639.599.461
Thu đền bù giải phóng mặt bằng của dự án hợp tác kinh doanh cao ốc 376 Điện Biên Phủ	-	3.454.545.455
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ do chưa chuyển giao	141.656.000	-
Thu khác	95.350.514	42.280.446
Cộng	7.389.329.865	13.136.425.362

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	141.656.000	-
Chi phí dự án không khả thi	102.377.709	-
Gía trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	83.636.364
Thuế bị phạt, bị truy thu	415.000	27.891.510
Chi phí khác	1.076.738	1.008.340
Cộng	245.525.447	112.536.214

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.742.424.573	31.082.264.671
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.742.424.573	31.082.264.671
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.569.900	9.569.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.108	3.248

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.422.804.423	614.939.279
Chi phí nhân công	16.033.240.346	11.516.300.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.681.267.223	1.681.808.706
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.560.999.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.253.886.280	4.604.928.373
Chi phí khác	14.414.050.214	9.244.805.780
Cộng	39.805.248.486	30.223.782.079

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch không bằng tiền. Năm trước Công ty có phát sinh giao dịch không bằng tiền về việc ghi nhận khoản đầu tư bằng kết chuyển các khoản chi hộ phải thu và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là 10.357.137.788 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.569.821.933	1.059.960.000
Tiền thưởng	600.385.000	293.670.000
Thù lao	610.000.000	681.600.000
Cộng	2.780.206.933	2.035.230.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam	Công ty liên kết (Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư này trong 6 tháng đầu 2012)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Mua hàng	244.603.196.530	324.166.708.673
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.364.727.492	884.735.587
Lợi nhuận được hưởng	50.400.000.000	41.100.000.000
Thu hỗ trợ	5.377.361.282	9.582.026.555
Thưởng bảo hành	7.164.000	4.160.000
Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam		
Góp vốn	-	1.949.166.456
Chi hộ	-	2.270.025.852
Cho mượn	-	143.634.680
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE EXIM		
Góp vốn	1.131.854.634	9.308.145.366
Các khoản chi hộ	141.656.000	29.051.510.727
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Tiền vay phải trả	10.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	1.014.444.444	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng	-	108.000.000
Cho mượn	-	143.634.680
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Tiền hàng	1.003.088.895	247.109.614
Lợi nhuận phải thu	50.400.000.000	33.600.000.000
Chiết khấu phải thu	1.421.444.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE - EXIM		
Chi hộ	-	8.077.570
Cộng nợ phải thu	52.824.532.895	34.106.821.864
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		
Phải trả tiền mua hàng	16.010.730.868	6.352.295.859
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Tiền vay phải trả	10.000.000.000	-
Cộng nợ phải trả	26.010.730.868	6.352.295.859

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình Syncmaster tại thị trường Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Khoản phải thu khác của Công ty chủ yếu là khoản lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.640.183.689	-	17.640.183.689
Phải thu khách hàng	47.597.505.336	2.595.999.621	50.193.504.957
Các khoản phải thu khác	53.013.902.804	3.210.000.000	56.223.902.804
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	27.988.298.520	4.621.112.398	32.609.410.918
Cộng	146.239.890.349	10.427.112.019	156.667.002.368
	-	-	-
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.517.661.300	-	19.517.661.300
Phải thu khách hàng	45.230.910.136	2.595.999.621	47.826.909.757
Các khoản phải thu khác	34.421.011.190	3.210.000.000	37.631.011.190
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	33.995.726.102	8.632.014.082	42.627.740.184
Cộng	133.165.308.728	14.438.013.703	147.603.322.431

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm, chi tiết như sau:

Số cuối năm

Vay và nợ	29.384.546.373
Phải trả cho người bán	17.628.515.056
Các khoản phải trả khác	3.776.122.328
Cộng	50.789.183.757

Số đầu năm

Vay và nợ	47.418.116.509
Phải trả cho người bán	6.834.313.362
Các khoản phải trả khác	2.430.826.355
Cộng	56.683.256.226

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.715,13	29.365,89
Phải thu khách hàng	-	1.304,08
Phải trả người bán	(26.512,00)	(22.020,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	(21.796,87)	8.649,97

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất cho Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 29.138.134.888 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 44.120.677.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.640.183.689	-	19.517.661.300	-	17.640.183.689	19.517.661.300
Phải thu khách hàng	50.193.504.957	(2.595.999.621)	47.826.909.757	(2.595.999.621)	47.597.505.336	45.230.910.136
Các khoản phải thu khác	56.223.902.804	(3.210.000.000)	37.631.011.190	(3.210.000.000)	53.013.902.804	34.421.011.190
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.609.410.918	(4.621.112.398)	42.627.740.184	(8.632.014.082)	27.988.298.520	33.995.726.102
Cộng	156.667.002.368	(10.427.112.019)	147.603.322.431	(14.438.013.703)	146.239.890.349	133.165.308.728

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	29.138.134.888	44.120.677.000	29.138.134.888	44.120.677.000
Phải trả người bán	17.628.515.056	6.834.313.362	17.628.515.056	6.834.313.362
Các khoản phải trả khác	3.776.122.328	2.430.826.355	3.776.122.328	2.430.826.355
Cộng	50.542.772.272	53.385.816.717	50.542.772.272	53.385.816.717

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

 Lê Ngọc Phú Người lập biểu	 Phạm Thúy Oanh Kế toán trưởng	 Vũ Quốc Vinh Tổng Giám đốc
---	--	---

Xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty
(Đã ký và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE



☐ Địa chỉ : 52 Thành Thái, P.12, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

☐ Điện thoại : (08) 3839 3054 – (08) 3833 0855

☐ Fax : (08) 3833 2754

☐ Website : <http://www.tie.com.vn>